

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 23/06/2017)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số/2017/QĐ-SGD do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2017)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Địa chỉ: Số 14A ấp Tân Điền, Xã Giục Trượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3912 127 – 3912 989 Fax: (0297) 3912 988

Website: www.kihuseavn.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 9987 Fax: (028) 3820 0899

Website: www.vietinbanksc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Điện thoại: (0297) 3912 128

Fax: (0297) 3912 988

Kiên Giang, năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 23/06/2017)

Địa chỉ trụ sở chính : Số 14A ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại : (0297) 3912 128 / 3912 989

Fax : (0297) 3912 988

Website : www.kihuseavn.com

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : **CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu : KHS

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần *(Mười nghìn đồng một cổ phần)*

Tổng số lượng niêm yết : 10.700.000 cổ phần *(Mười triệu bảy trăm nghìn cổ phần)*

Tổng giá trị niêm yết : 107.000.000.000 đồng *(Một trăm linh bảy tỷ đồng)*
(theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Trụ sở chính : Số 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3820 5944

Fax : (028) 3820 5942

Website : www.aascs.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH (VIETINBANK SECURITIES)

Địa chỉ : 49 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3820 9987

Fax : (028) 3820 0899

Website : www.vietinbanksc.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp.....	14
3. Rủi ro đặc thù	15
4. Rủi ro về thị trường chứng khoán	16
5. Rủi ro khác.....	16
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	17
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Kiên Hùng.....	17
2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	17
III.CÁC KHÁI NIỆM.....	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	19
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	19
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	27
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	35
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	37
5. Hoạt động kinh doanh.....	37
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	58
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	62
8. Chính sách đối với người lao động.....	66
9. Chính sách cổ tức	68
10. Tình hình hoạt động tài chính	68
11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	76
12. Tài sản thuộc sở hữu Công ty	92
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	94
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	102
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	102
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	102

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	103
1. Loại chứng khoán.....	103
2. Mã chứng khoán.....	103
3. Mệnh giá.....	103
10.000 đồng/cổ phần.....	103
4. Tổng số chứng khoán niêm yết:	103
5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	103
6. Phương pháp tính giá.....	104
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	105
8. Các loại thuế có liên quan.....	106
VI.CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	108
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	108
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:	108
VII. PHỤ LỤC	108

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2000 – 2016.....	9
Hình 2: Lãi suất huy động ngắn hạn kỳ hạn 03 tháng đồng Việt Nam giai đoạn tháng 01/2013 - tháng 07/2017.....	10
Hình 3: Lãi suất điều hành (lãi suất tái chiết khấu) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn tháng 01/2013 - tháng 07/2017.....	11
Hình 4: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2016.....	12
Hình 5: Tỷ giá USD/VND (trung bình hằng tháng) giai đoạn 2008 - tháng 06/2017.....	13
Hình 6: Dự trữ ngoại hối của Việt Nam (triệu USD) giai đoạn tháng 07/2012 – tháng 06/2017.....	14
Hình 7: Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty Cổ phần Kiên Hùng	28
Hình 8: Biểu đồ cơ cấu Doanh thu hợp nhất hoạt động Công ty năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017.....	45
Hình 9: Hình ảnh lễ khởi công Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng ngày 15/10/2017	101

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình hình thành, phát triển	20
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 02/11/2017	35
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập.....	36
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 02/11/2017	36
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Công ty mẹ	41
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Hợp nhất.....	42
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Công ty mẹ.....	46
Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Hợp nhất	47
Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Công ty mẹ	50
Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Hợp nhất.....	52
Bảng 11: Một số các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	57
Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 – Công ty mẹ	58
Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 – Hợp nhất.....	59
Bảng 14: So sánh về tình hình tài chính và hoạt động các doanh nghiệp trong cùng ngành	64
Bảng 15: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2017	66
Bảng 16: Chính sách chi trả cổ tức giai đoạn 2015 – 2019.....	68
Bảng 17: Thời gian khấu hao TSCĐ	69
Bảng 18: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	70
Bảng 19: Chi tiết các quỹ của Công ty.....	70
Bảng 20: Chi tiết số dư các khoản vay	71
Bảng 21: Chi tiết hàng tồn kho.....	72
Bảng 22: Chi tiết khoản phải thu.....	72
Bảng 23: Chi tiết các khoản phải trả	73
Bảng 24: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	74
Bảng 25: Chi phí trả trước.....	75
Bảng 26: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 2016 – 2017 - Hợp nhất.....	76
Bảng 27: Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị.....	77
Bảng 28: Danh sách các Thành viên trong Ban Điều hành.....	86
Bảng 29: Danh sách các Thành viên Ban Kiểm soát	88
Bảng 30: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2016.....	92
Bảng 31: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2017.....	92

Bảng 32: Tình hình sử dụng quỹ đất của Công ty.....	93
Bảng 33: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018.....	94
Bảng 34: Kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2017 so với kế hoạch được giao	96
Bảng 35: Danh sách các cổ đông hạn chế chuyển nhượng	103

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Trước khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kiên Hùng, các nhà đầu tư cần xem xét cẩn trọng các yếu tố rủi ro và các yếu tố không chắc chắn được nêu dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản Báo Bạch, các thông tin trong các báo cáo tài chính và những thông tin liên quan khác. Các rủi ro được nêu dưới đây là những yếu tố mà Công ty phải đối mặt trong quá trình kinh doanh, khi xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động, kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, từ đó ảnh hưởng đến giá cổ phiếu và hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư. Các yếu tố rủi ro chính gồm có:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Kiên Hùng nói riêng.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Trong năm 2016 và những quý đầu năm 2017, nền kinh tế toàn cầu bị tác động bởi những sự kiện chính trị lớn, châm ngòi cho những thay đổi và bất ổn cho các nền kinh tế, có thể kể đến việc nước Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (Brexit); khủng hoảng di cư từ Trung Đông, Bắc Phi; các vụ tấn công khủng bố xảy ra với mức độ nghiêm trọng chưa từng có; Bình Nhưỡng thử vũ khí hạt nhân làm gia tăng căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên... Bên cạnh đó, tình hình căng thẳng giữa Nga và các nước phương Tây chưa có dấu hiệu lắng xuống cũng làm nền kinh tế đôi bên chịu thiệt hại không nhỏ. Tuy vậy, theo báo cáo về Triển vọng Kinh tế Thế giới của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) phát hành tháng 10/2017, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt 3,6% trong năm nay và 3,7% trong năm 2018, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng của năm 2016.¹

Đối với Khu vực sử dụng đồng tiền chung euro (Eurozone), IMF cho rằng sự phục hồi mạnh hơn và Eurozone đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu cách đây gần một thập kỷ. IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của Eurozone từ 1,9% lên 2,1% trong năm 2017 và từ 1,7% lên 1,9% trong năm 2018. Lý do để IMF đưa ra dự báo lạc quan là vì khu vực ghi nhận sự gia tăng xuất khẩu và nhu cầu nội địa mạnh nhờ chính sách lãi suất thấp của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB). Tuy nhiên, IMF cảnh báo lạm phát thấp, nợ công cao và dân số già hóa có thể tác động tiêu cực tới nền kinh tế Eurozone trong tương lai.

Nhật Bản, quốc gia có nền kinh tế hàng đầu Châu Á, được dự báo tăng trưởng 1,5% năm 2017 và 0,7% năm tiếp theo, cao hơn nhiều so với mức dự báo tăng trưởng của năm 2016. Triển vọng các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển sẽ chứng kiến nhịp độ tăng trưởng

¹ www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2017/09/19/world-economic-outlook-october-2017

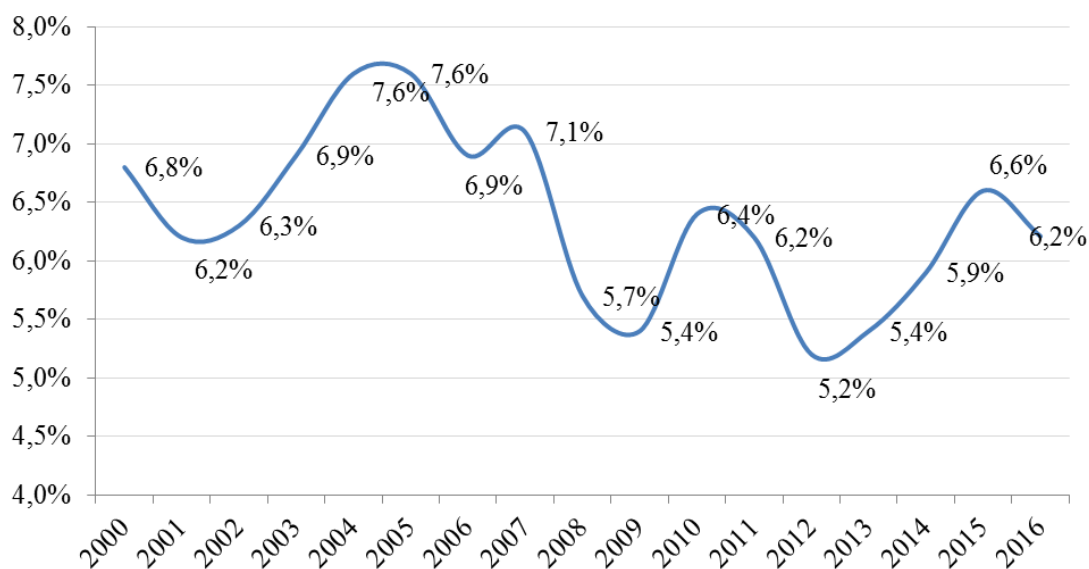
khả quan hơn báo cáo hồi tháng 04/2017. Trung Quốc dự báo đạt mức tăng trưởng lần lượt là 6,8% và 6,5% cho hai năm 2017 và 2018 nhờ kỳ vọng vào việc duy trì chính sách tài khóa – tiền tệ nới lỏng. Khu vực ASEAN-5 (gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam) dự báo sẽ chứng kiến mức tăng trưởng năm 2017 là 5,2%, tăng 0,2% so với năm 2016 nhờ gia tăng thương mại với Trung Quốc và Châu Âu.

1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (GSO), tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,2% so với năm 2015, trong đó Quý I tăng 5,48%, Quý II tăng 5,78%, Quý III tăng 6,56%, Quý IV tăng 6,68%. Mức tăng trưởng năm 2016 tuy thấp hơn mức tăng 6,6% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2000 – 2016



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, BMI)

Theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Thống kê, GDP 09 tháng đầu năm 2017 ước tính tăng 6,41% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Quý 1 tăng 5,15%, Quý 2 tăng 6,28%, Quý 3 tăng 7,46%. Theo cơ quan này, mức tăng trưởng của 09 tháng năm nay cao hơn mức tăng 5,99% của

cùng kỳ năm 2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành. Đây là tín hiệu tích cực để nền kinh tế hướng tới mục tiêu tăng trưởng 6,7% của cả năm 2017, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các thành phần kinh tế và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của các tổ chức niêm yết chứng khoán.

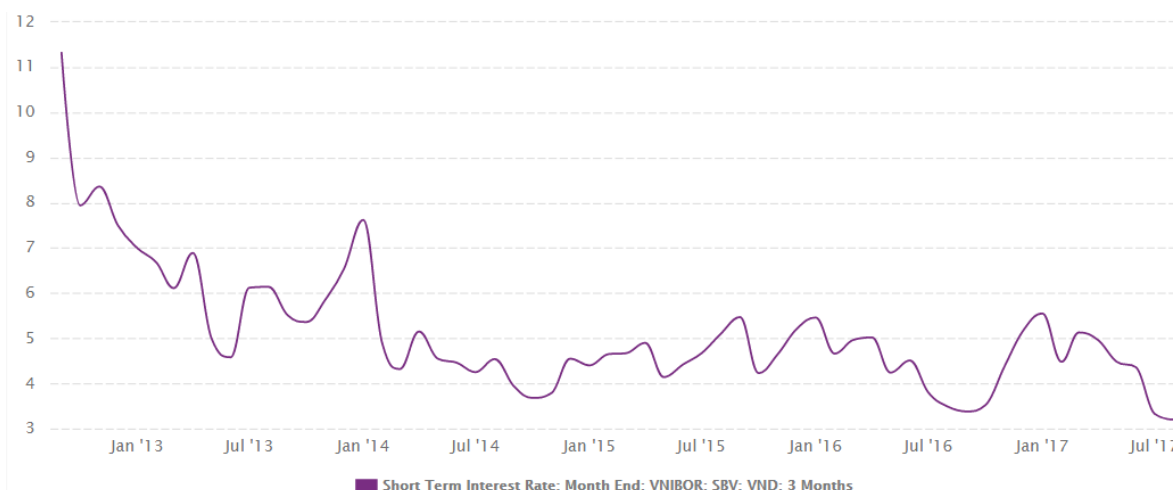
Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), nền kinh tế Việt Nam sẽ có những chuyển biến tích cực trong những tháng cuối năm 2017 do được hỗ trợ bởi các yếu tố: Triển vọng khả quan của kinh tế thế giới cũng như tín hiệu tích cực từ các nền kinh tế chủ chốt sẽ tác động tích cực tới triển vọng kinh tế; Sự tăng giá của một số đồng tiền và triển vọng phục hồi kinh tế có thể giúp Việt Nam có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường lớn, qua đó có thể phục hồi được tốc độ tăng trưởng thương mại; Những cải thiện về môi trường đầu tư, kinh doanh, triển vọng hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục khởi sắc.

Để hạn chế các rủi ro về kinh tế, Công ty luôn chú ý xem xét và dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ giúp cho việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh tốt hơn, đồng thời chuẩn bị trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Lãi suất

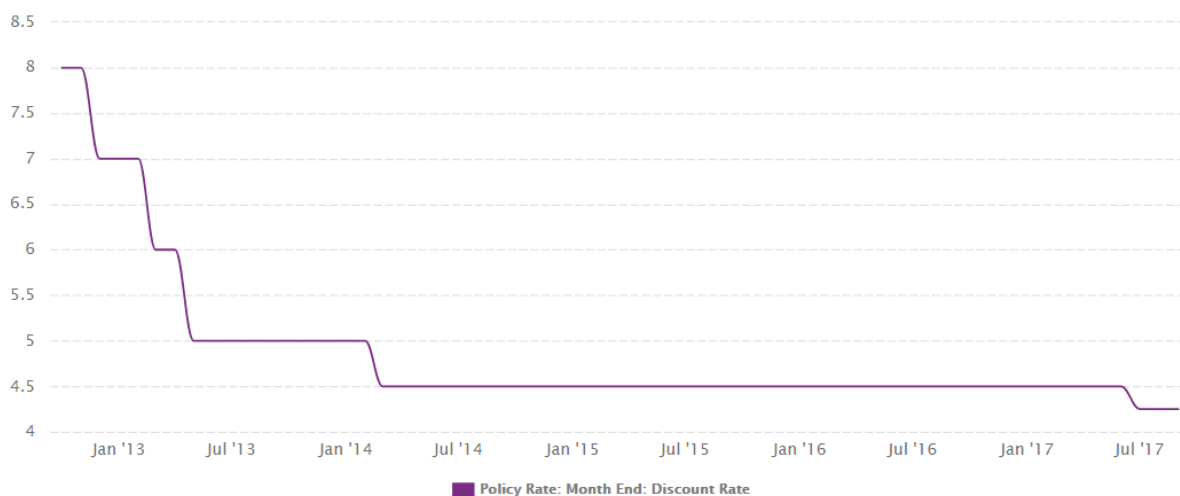
Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Hình 2: Lãi suất huy động ngắn hạn kỳ hạn 03 tháng đồng Việt Nam giai đoạn tháng 01/2013 - tháng 07/2017



(Nguồn: CEIC, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Hình 3: Lãi suất điều hành (lãi suất tái chiết khấu) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn tháng 01/2013 - tháng 07/2017



(Nguồn: CEIC, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Theo báo cáo về tình hình kinh tế tháng 06/2017 và 06 tháng đầu năm 2017 của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, tín dụng tháng 06/2017 tiếp tục tăng trưởng tích cực. Ước tính đến hết tháng 06/2017, tín dụng tăng gần 8% so với cuối năm 2016 (cùng kỳ năm 2016 tăng 8,4%). Mặt bằng lãi suất huy động tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6% - 9%/năm đối với ngắn hạn, 9% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4% - 5%/năm. Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia cũng cho rằng đối với lãi suất trong 06 tháng cuối năm 2017, lãi suất huy động có thể biến động mang tính cục bộ tại một số ngân hàng cân đối nguồn vốn để đáp ứng quy định tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn là 40% kể từ 01/01/2018.

Ngày 07/07/2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành Quyết định số 1424/QĐ-NHNN và Quyết định số 1425/QĐ-NHNN. Theo đó, giảm 0,25%/năm các mức lãi suất điều hành gồm lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng, giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế. Chi phí vay vốn của các doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu theo đó sẽ giảm xuống.

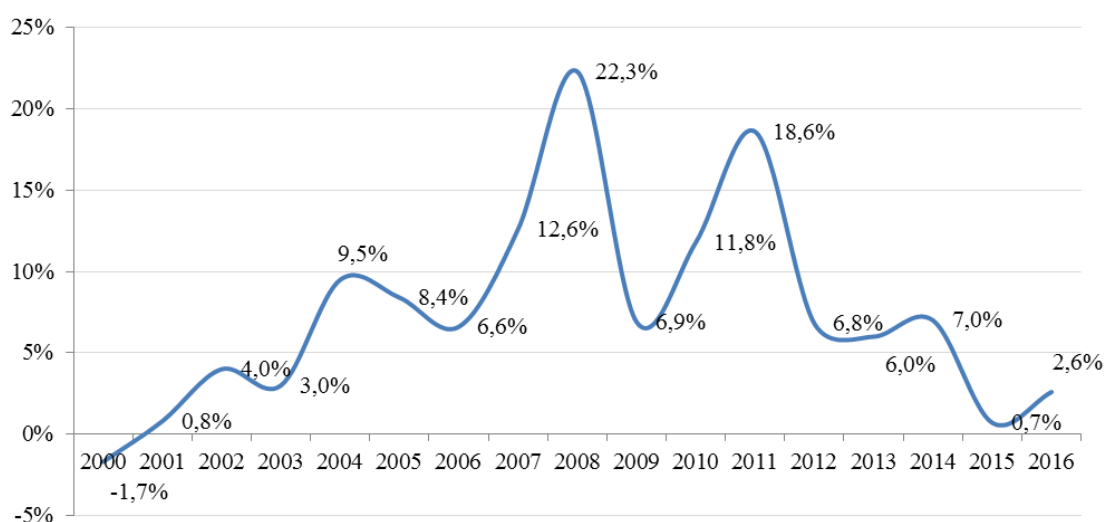
Tính đến thời điểm 30/09/2017, nợ phải trả theo BCTC hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng là 314,40 tỷ đồng tương đương với 62,29% tổng nguồn vốn, trong đó nợ vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn là 164,86 tỷ đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 86,79 tỷ đồng (Báo cáo tài chính hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng). Mặt bằng lãi suất chung được dự báo sẽ tiếp tục ổn định và duy trì ở mức thấp trong năm 2017, cùng với chính sách duy trì nợ vay như đã áp dụng trong năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 sẽ giúp

Công ty chủ động hơn ở các phương án kinh doanh, giúp gia tăng hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc của Công ty luôn theo dõi, cập nhật tình hình lãi suất hàng ngày và luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng các khoản vay ngân hàng. Nhờ vậy, rủi ro lãi suất luôn được Công ty kiểm soát.

1.4. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 5,0%.

Hình 4: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2016



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, BMI)

Trong quá trình phát triển kinh tế 2000 - 2007, Chính phủ Việt Nam muốn thúc đẩy nền kinh tế. Do đó, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái trong ngành ngân hàng vào giai đoạn 2008 – 2010. Chính phủ đã nới lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để đối đầu với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn 2011 – 2013. Bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%. Tuy nhiên, sang năm 2015, lạm phát ghi nhận ở mức thấp nhất trong vòng 15 năm qua, nguyên nhân chính là do yếu tố chi phí đẩy giảm.

Trong năm 2016, NHNN tiếp tục kiên định với mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 5%, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý, đảm bảo an toàn hệ thống. Kết thúc năm 2016, chỉ số lạm phát năm 2016 đạt mức tăng 4,74% so với kết thúc năm 2015, đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 5% đã đề ra.

Trong 06 tháng đầu năm 2017, lạm phát đang ở mức 4,15%, thấp hơn mức trung bình 4,74% của 6 tháng năm 2016. Dự báo tình hình giá cả trong 06 tháng cuối năm 2017 sẽ không có

nhiều biến động lớn. Bên cạnh đó, giá xăng dầu vẫn có biến động nhưng đang có xu hướng giảm nhẹ, điều này sẽ không ảnh hưởng nhiều đến CPI những tháng cuối năm. Giá lương thực và thực phẩm được dự báo có thể tăng nhẹ nhưng không nhiều. Dự báo lạm phát không có biến động lớn do giá cả nhiều mặt hàng ổn định. Như vậy, mục tiêu lạm phát năm 2017 mà Chính phủ đã đề ra từ đầu năm là 4% có thể đạt được, trong điều kiện giá điện chưa tăng, giá xăng dầu giảm nhẹ và giá thực phẩm có thể tăng nhẹ.

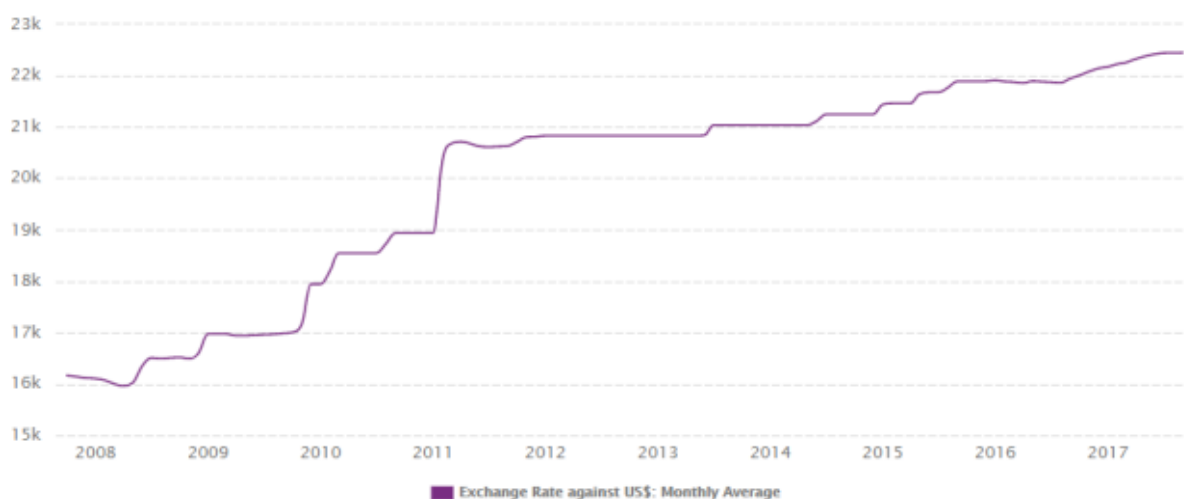
1.5. Tỷ giá

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Bắt đầu từ năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện điều hành tỷ giá theo cơ chế trung tâm, linh hoạt, bám sát các diễn biến của thị trường ngoại tệ trong nước cũng như diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế, điều chỉnh linh hoạt phù hợp với diễn biến của thị trường tiền tệ.

Diễn biến tỷ giá USD/VND trong 06 tháng đầu năm 2017 diễn biến khá ổn định, tuy nhiên lại cho thấy sự biến động trái chiều giữa tỷ giá trung tâm do NHNN công bố và tỷ giá giao dịch thực tế tại các ngân hàng thương mại. Tỷ giá trung tâm đã liên tục được NHNN điều chỉnh, tuy mức độ tăng qua từng phiên không quá lớn. Trong 06 tháng đầu năm 2017, tỷ giá trung tâm tăng 1,2% so với thời điểm cuối năm 2016. Trong khi đó, tỷ giá bình quân liên ngân hàng lại gần như không có thay đổi nào so với thời điểm đầu năm 2017.

Hình 5: Tỷ giá USD/VND (trung bình hằng tháng) giai đoạn 2008 - tháng 06/2017



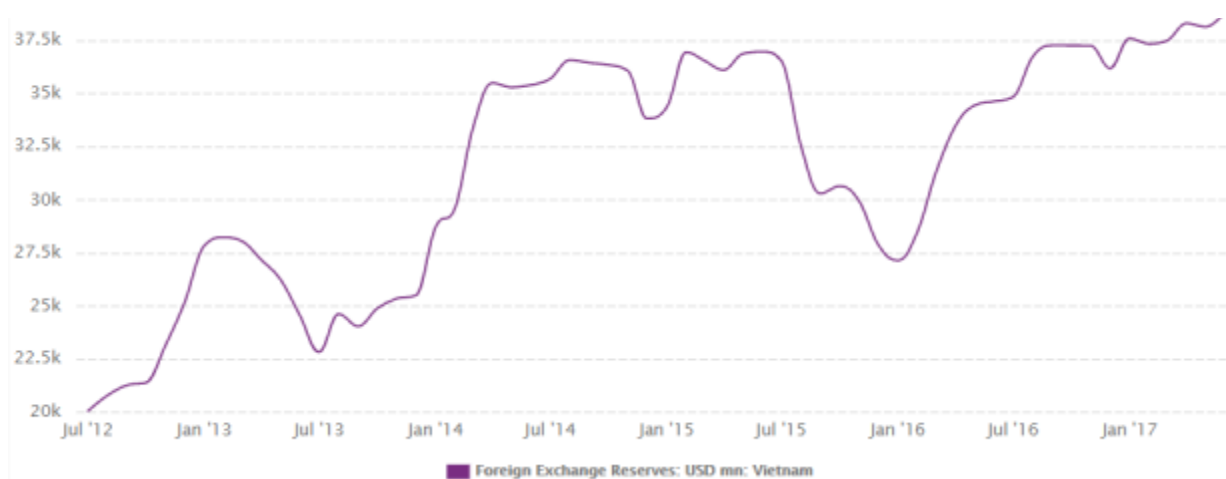
(Nguồn: CEIC, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng tỷ giá giao dịch tại các ngân hàng thương mại hầu như không biến động so với cuối năm 2016 là do diễn biến cung cầu về ngoại tệ thực tế trên thị trường. Cụ thể, mặc dù cán cân thương mại của Việt Nam (bao gồm cả thương mại hàng hóa và dịch vụ) chuyển sang trạng thái nhập siêu với tổng giá trị ước tính đạt 4,5 tỷ USD trong 06 tháng đầu năm 2017 nhưng bù lại giải ngân vốn FDI vẫn khá tốt với giá trị ước đạt 7,7 tỷ USD, tăng

6,5% so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư gián tiếp (FII) chảy vào thị trường Việt Nam cũng khá tích cực, riêng giá trị mua ròng của khối ngoại lên thị trường trái phiếu và cổ phiếu trong 06 tháng đầu năm 2017 ước tính đạt 1,2 tỷ USD. Ngoài ra, nguồn kiều hối được nhận định vẫn duy trì ở mức khả quan (riêng nguồn kiều hối về TP Hồ Chí Minh trong 06 tháng đầu năm 2017 đã đạt hơn 2 tỷ USD). Tổng hợp các nguồn trên có thể thấy, cán cân cung cầu ngoại tệ trên thực tế có xu hướng nghiêng về phía cung, có tác động hỗ trợ cho giá trị VND trong 06 tháng đầu năm 2017.

Bên cạnh đó, việc dự trữ ngoại hối của Việt Nam tăng thêm 1 tỷ USD so với đầu năm 2017 cũng là tín hiệu tích cực trong 06 tháng đầu năm 2017, giúp củng cố niềm tin của nhà đầu tư đối với giá trị VND.

Hình 6: Dự trữ ngoại hối của Việt Nam (triệu USD) giai đoạn tháng 07/2012 – tháng 06/2017



(Nguồn: CEIC, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Với diễn biến ổn định trong các tháng qua, sự cải thiện của quỹ dự trữ ngoại hối và dự báo không có diễn biến nào quá bất thường liên quan đến các đồng tiền chủ chốt trong giỏ tiền tệ tham chiếu trong thời gian tới, dự báo tỷ giá USD/VND sẽ có mức tăng khoảng 2 - 3% cho cả năm 2017.

Đối với nguyên liệu cho các sản phẩm thủy sản đông lạnh, Công ty có kế hoạch nhập khẩu trở lại để cung ứng đủ cho việc sản xuất. Công ty có chính sách linh hoạt trong việc nhập khẩu cũng như tồn trữ hàng giúp cho nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào ổn định hơn, hạn chế biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty Cổ phần Kiên Hùng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần trên trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, các văn bản pháp

luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Kiên Hùng vẫn thường xuyên và chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về thị trường

Lĩnh vực thủy sản là ngành nghề kinh doanh chịu nhiều biến động của yếu tố thời tiết và các điều kiện tự nhiên khác.

Theo thông tin từ Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu (XK) thủy sản của cả nước trong 05 tháng đầu năm 2017 vẫn duy trì bằng năm 2016 với mức tăng trưởng là 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt khoảng 2,76 tỷ USD.

Theo phân tích của VASEP, trong 05 tháng đầu năm 2017, nguồn nguyên liệu cho các mặt hàng xuất khẩu chính của ngành thủy sản bị hạn chế, dẫn đến giá nguyên liệu đầu vào của các mặt hàng này tăng cũng ảnh hưởng đến việc xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam đã có sự linh hoạt trong việc điều chỉnh cơ cấu sản phẩm xuất khẩu và thị trường xuất khẩu, đồng thời tăng sản lượng khai thác và lượng nguyên liệu nhập khẩu đối với các sản phẩm này.

Việc xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ trong năm 2017 tiếp tục gặp phải các rào cản kỹ thuật như việc siết chặt kiểm tra nhập khẩu, việc tăng thuế chống bán phá giá. Thêm vào đó, việc xuất khẩu hàng thủy sản sang thị trường EU còn gặp nhiều khó khăn do nhu cầu tiêu thụ chưa phục hồi cộng với việc chịu áp lực từ “truyền thông bôi nhọ” của một số nước. Mặc dù vậy, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản lại có xu hướng tăng do đồng Yên tăng giá dẫn đến hàng xuất khẩu vào thị trường này trở nên cạnh tranh hơn. Ngoài ra, việc xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Brazil, Mexico, Hàn Quốc, Australia có sự tăng trưởng đã giúp cho giá trị xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực Việt Nam tăng nhẹ trong 05 tháng đầu năm 2017.

Thị trường chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng hiện nay là các nước Nhật Bản, EU, Mỹ, Canada, Thái Lan và một số thị trường nhỏ khác.

Mặc dù còn gặp phải nhiều thách thức nhưng Công ty Cổ phần Kiên Hùng vẫn có nhiều cơ hội để phát triển trên cơ sở phát triển sản phẩm đặc thù, giữ vững thị phần tại các nước bạn hàng quen thuộc (EU, Nhật Bản ...), cải tổ bộ máy hoạt động để ứng phó linh hoạt với những thay đổi của thị trường.

3.2. Rủi ro về nguyên vật liệu

Sản phẩm thủy sản đông lạnh và bột cá của Công ty được chế biến từ nguồn nguyên liệu tươi như: mực, cá biển, cá nước ngọt, ghẹ, sò, ốc ...



Về trung hạn, trữ lượng nguyên liệu tương đối dồi dào, đáp ứng cho hoạt động sản xuất và chế biến của Công ty. Tuy nhiên, các chính sách của Nhà nước có xu hướng siết chặt công tác quản lý tài nguyên, đảm bảo môi trường. Vì vậy, nguồn cung nguyên liệu trong nước có nguy cơ giảm sút. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, Công ty đã có chính sách tăng cường nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu trở lại để phục vụ cho việc sản xuất và thương mại hàng hóa. Các đối tác cung cấp hàng hóa của Công ty hiện nay khá rộng do Công ty đã tạo được mạng lưới nhà cung cấp cũng như xây dựng được uy tín và thương hiệu trên thị trường.

Trong năm 2016 và 2017, Ban Lãnh đạo Công ty cũng đã chủ động nhập khẩu nguyên liệu để tồn trữ hàng vào những tháng mà nguồn nguyên liệu dồi dào và giá rẻ nhằm phục vụ cho các tháng khan hiếm nguồn nguyên liệu, giải quyết và duy trì ổn định việc sản xuất, tạo công ăn việc làm cho người lao động tại Công ty.

4. Rủi ro về thị trường chứng khoán

Sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kiên Hùng sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo cung và cầu thị trường. Giá cổ phiếu sau khi niêm yết của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản, Công ty cũng bị ảnh hưởng nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Kiên Hùng

Ông: Trần Quốc Dũng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông: Dương Công Trịnh	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trần Quốc Hùng	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trương Tuyên Minh	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông: Nguyễn Tấn Đạt	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Ông: Thái Hoàng Long Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh

(Theo Giấy ủy quyền số 02/UQ-CKCT ngày 16/03/2017 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết số: 38/2016/TVNY/CKCT.HCM-KH ngày 06/12/2016 đã ký kết với Công ty Cổ phần Kiên Hùng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Kiên Hùng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, nhóm từ	Diễn giải
Công ty/ Tổ chức niêm yết/ Kihusea	: Công ty Cổ phần Kiên Hùng
Tổ chức tư vấn/VietinBank Securities	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
CTCP	: Công ty Cổ phần
CP	: Cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
TGD	: Tổng Giám đốc
CNĐKDN	: (Giấy) Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCD	: Căn cước công dân
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BCTC	: Báo cáo tài chính
9T	: (Số liệu tài chính) 9 tháng
SLCP	: Số lượng cổ phần
LN	: Lợi nhuận
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LNHKD	: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh
DT	: Doanh thu
DTT	: Doanh thu thuần
TSCĐ	: Tài sản cố định
GTCL	: Giá trị còn lại
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
UBND	: Ủy ban nhân dân
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG
Tên tiếng Anh	: KIEN HUNG JOINT STOCK COMPANY VN
Tên viết tắt	: KIHUSEA VN
Trụ sở chính	: Số 14A ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
Điện thoại	: (0297) 3 912 128 – 3 912 989
Fax	: (0297) 3 912 988
Website	: www.kihuseavn.com
Logo	:



Giấy CNĐKDN	: Số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, thay đổi lần thứ 03 ngày 23/06/2017
Vốn điều lệ đăng ký	: 107.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy tỷ đồng</i>)
Vốn điều lệ thực góp	: 107.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy tỷ đồng</i>)
Ngày trở thành công ty đại chúng	: 12/10/2017

*** Ngành nghề kinh doanh chính:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 23/06/2017, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Bán buôn thực phẩm - Chi tiết: Bán buôn thủy sản.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá - Chi tiết Sản xuất nước đá.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống – Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Kiên Hùng tiền thân là Công ty TNHH Kiên Hùng, được chuyển đổi thành mô hình công ty cổ phần vào tháng 12/2009 với lĩnh vực hoạt động chính là xuất khẩu thủy sản, mặt hàng chủ lực là mực và cá đông lạnh, chế biến bột cá – nguyên liệu cho thức ăn gia súc gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Các mốc phát triển quan trọng của Công ty:

Bảng 1: Quá trình hình thành, phát triển

Thời gian	Nội dung
Năm 2000	<ul style="list-style-type: none">Công ty TNHH Kiên Hùng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-02-000011 cấp ngày 04/10/2000 với vốn điều lệ 10.145.410.000 đồng, là cơ sở chế biến thủy sản cho các công ty xuất khẩu thủy sản tại địa phương Châu Thành - Kiên Giang do các công ty này chưa được xuất khẩu trực tiếp. Tuy nhiên, Công ty đã xác định mục tiêu lâu dài là tự xuất khẩu nên đã tiến hành từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho mục tiêu này.
Năm 2002	<ul style="list-style-type: none">Với chính sách thông thoáng hơn, tạo nhiều điều kiện cho xuất khẩu, Công ty hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh. Lô hàng xuất khẩu đầu tiên đi thị trường Nhật tháng 12/2012 chính là kết quả của những nỗ lực đầu tiên cho mục tiêu xuất khẩu của Công ty.
Năm 2003	<ul style="list-style-type: none">Công ty đạt code xuất khẩu đi thị trường EU DL297, các mặt hàng được đa dạng hóa từ hàng thô, nâng cao kỹ thuật sản xuất thành hàng sushi phục vụ cho nhu cầu của thị trường Nhật. Đồng thời Công ty cũng mở rộng thị trường, tăng tỷ trọng các mặt hàng có giá trị gia tăng cao trong cơ cấu sản phẩm nhằm tăng hiệu quả hoạt động.
Năm 2008	<ul style="list-style-type: none">Tiếp tục với định hướng mở rộng quy mô hoạt động, Công ty tham gia sản xuất hàng bột cá để đa dạng hóa ngành nghề và ổn định phát triển Công ty, đồng thời tăng cường sức mạnh thu mua nguyên liệu. Công ty đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Bột cá Kiên Hùng. Mặt hàng bột cá bước đầu chỉ chủ yếu phục vụ cho thị trường trong nước.
Năm 2009	<ul style="list-style-type: none">Công ty TNHH Kiên Hùng chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Kiên Hùng, trên cơ sở sáp nhập Công ty TNHH Bột cá Kiên Hùng vào Công ty TNHH Kiên Hùng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp ngày 28/12/2009, với vốn điều lệ là 56.020.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Bán buôn thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức

Thời gian	Nội dung
	ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản...
Năm 2011	<ul style="list-style-type: none">Nhu cầu thị trường ngày càng lớn đối với mặt hàng bột cá. Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang với tỷ lệ 51% vốn điều lệ, để xây dựng Nhà máy bột cá Biển Xanh có trụ sở tại xã Linh Huỳnh, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang để thoả mãn nhu cầu bột cá đậm cao cho thị trường. Thời gian này mặt hàng bột cá đã được tham gia vào thị trường xuất khẩu, cụ thể là Nhật Bản và Indonesia.
Năm 2012	<ul style="list-style-type: none">Công ty góp vốn với Tập đoàn Neptune S.A.S (đến từ Pháp) thành lập Công ty TNHH Thủy sản Aoki với tỷ lệ 51% vốn điều lệ để xây dựng Nhà máy sản xuất mặt hàng surimi, phục vụ cho thị trường châu Âu. Năm 2014, Công ty TNHH Thủy sản Aoki chính thức đi vào hoạt động.
Năm 2016	<ul style="list-style-type: none">Với mong muốn mang lại các sản phẩm an toàn cho người sử dụng ngay từ nguồn gốc sản phẩm, Công ty đã có chủ trương định hướng quản lý vùng nuôi tôm công nghiệp 60 ha theo tiêu chuẩn ASC (Aquaculture Stewardship Council - Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản), định hướng phát triển các mặt hàng có giá trị gia tăng cao từ tôm và chả cá. Các mặt hàng tôm và cá này không chỉ phục vụ cho thị trường xuất khẩu mà còn từng bước cung cấp cho thị trường nội địa. Đồng thời trong năm này, để phát triển hơn nữa quy mô của Công ty và ổn định cơ cấu tổ chức tại đơn vị trực thuộc, Công ty đã tiến hành sáp nhập Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang vào Công ty, nâng số chi nhánh trực thuộc lên 02 chi nhánh.Trong năm 2016, Công ty thực hiện tăng vốn 02 (hai) đợt:<ul style="list-style-type: none">+ Đợt 1: Tăng vốn điều lệ từ 56,02 tỷ đồng lên 59,987 tỷ đồng (tháng 01/2016); Hình thức phát hành: Phát hành để hoán đổi cổ phiếu. Mục đích phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu CTCP Kiên Hùng để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của CTCP Biển Xanh Kiên Giang (việc hoán đổi không bao gồm số cổ phiếu CTCP Biển Xanh Kiên Giang mà CTCP Kiên Hùng đang sở hữu);+ Đợt 2: Tăng vốn điều lệ từ 59,987 tỷ đồng lên 74,02 tỷ đồng (tháng 04/2016). Hình thức phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (trước khi nhận sáp nhập CTCP Biển Xanh Kiên Giang). Mục đích phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (trước khi nhận sáp nhập CTCP Biển Xanh Kiên Giang) với tỷ lệ 25,05%.

Thời gian	Nội dung
Năm 2017	<ul style="list-style-type: none">Với sự phát triển quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và năng suất lao động, đa dạng hóa ngành nghề và lĩnh vực hoạt động, đến năm 2017, sau 17 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Kiên Hùng có 04 nhà máy trực thuộc gồm 01 nhà máy sản xuất hàng đông lạnh (tại Trụ sở chính), 02 nhà máy sản xuất bột cá (thuộc 02 chi nhánh Nhà máy bột cá Kiên Hùng và Nhà máy bột cá Biển Xanh) và 01 nhà máy sản xuất surimi (thuộc công ty con Công ty TNHH Thủy sản Aoki).Trong năm 2017, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 74,02 tỷ đồng lên 107 tỷ đồng (tháng 06/2017). Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu. Mục đích phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.Ngày 12/10/2017, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn chấp thuận số 6825/UBCK-GSĐC ngày 12/10/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.Hiện tại, Công ty Cổ phần Kiên Hùng đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 23/06/2017 với vốn điều lệ là 107 tỷ đồng.

(Nguồn: CTCP Kiên Hùng)

1.3. Một số thành tích, giải thưởng đạt được

- + Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong xuất khẩu năm 2010” do UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 21/02/2011;
- + **Bằng khen: “Danh nghiệp tiêu biểu khu vực đồng bằng Sông Cửu Long năm 2012” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng ngày 18/10/2012;**
- + Bằng khen: “Đã có thành tích Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương năm 2012” do UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 23/10/2012;
- + Thương hiệu – Nhân hiệu nổi tiếng đồng bằng Sông Cửu Long năm 2014;
- + Sản phẩm chất lượng 2014 dành cho sản phẩm Thủy hải sản chế biến;
- + Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ năm 2014” do UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 12/03/2015;
- + Giấy khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ năm 2014” do Sở Thương binh và Xã hội tặng ngày 12/03/2015;
- + **Giải bạc “Giải thưởng chất lượng quốc gia 2014” do Thủ tướng Chính phủ tặng ngày**

19/03/2015;

- + Bằng khen: “Đã tham gia chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và có nhiều đóng góp trong phong trào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng giai đoạn 2010 - 2014” do Bộ Khoa học và Công nghệ tặng ngày 01/09/2015;
- + **Giải thưởng “Sao vàng đất Việt năm 2015” do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam tặng ngày 21/09/2015;**
- + Bằng khen: “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015” do UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 14/03/2016;
- + Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế Nhà nước năm 2015” do UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 14/03/2016;
- + Bằng khen: “Đã có thành tích đột xuất xuất sắc trong công tác an sinh xã hội năm 2015” do UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 07/03/2016;
- + Bằng khen: “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc công tác An toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ năm 2015” UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 14/03/2016;
- + **Bằng khen: “Đã có thành tích trong nộp Ngân sách Nhà nước và công tác An sinh Xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc” do Thủ tướng Chính phủ khen tặng ngày 18/01/2017;**
- + Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh giỏi và đúng pháp luật” năm 2016” do UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 11/04/2017;
- + Bằng khen: “Đã có thành tích đột xuất xuất sắc trong việc đóng góp thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang” do UBND Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 11/04/2017;
- + Bằng khen: “Đã thực hiện tốt việc trích nộp kinh phí công đoàn năm 2016”, do Liên đoàn Lao động Tỉnh Kiên Giang tặng ngày 14/07/2017.

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ khi chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần đến nay, Công ty Cổ phần Kiên Hùng trải qua 03 (ba) đợt tăng vốn, chi tiết như sau:

1.4.1. Đợt 1: Tăng vốn tháng 01/2016 (Tăng vốn điều lệ lên 59.987.000.000 đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 56.020.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 59.987.000.000 đồng.
- Hình thức phát hành: Phát hành để hoán đổi cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông của Công ty Cổ phần (CTCP) Biển Xanh Kiên Giang (là Công ty được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Kiên Hùng).
- Mục đích: Phát hành thêm cổ phiếu CTCP Kiên Hùng để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của CTCP Biển Xanh Kiên Giang (việc hoán đổi không bao gồm số cổ phiếu CTCP

Biển Xanh Kiên Giang mà CTCP Kiên Hùng đang sở hữu).

- Cơ quan chấp thuận việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Kiên Giang, Đại hội đồng cổ đông CTCP Kiên Hùng, Đại hội đồng cổ đông CTCP Biển Xanh Kiên Giang.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có.
- Cơ sở pháp lý:
 - + *Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường số 02/2015/BB-ĐHĐCĐ ngày 12/12/2015 của CTCP Kiên Hùng về việc sáp nhập;*
 - + *Nghị quyết Hội đồng quản trị (HDQT) CTCP Kiên Hùng số 02/2015/BB-ĐHĐCĐ ngày 12/12/2015 về việc triển khai phương án;*
 - + *Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2015/BB-ĐHĐCĐ ngày 12/12/2015 của CTCP Biển Xanh Kiên Giang về việc sáp nhập;*
 - + *Nghị quyết HDQT CTCP Biển Xanh Kiên Giang số 02/2015/BB-HDQT ngày 12/12/2015 về việc triển khai phương án;*
 - + *Thông báo của CTCP Kiên Hùng số 12/2015/TB-HDQT ngày 13/12/2015 về việc phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của CTCP Biển Xanh Kiên Giang;*
 - + *Thông báo của CTCP Biển Xanh Kiên Giang số 21/2015/TB-HDQT ngày 13/12/2015 về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành;*
 - + *Danh sách cổ đông của CTCP Kiên Hùng trước khi sáp nhập (ngày 31/12/2015);*
 - + *Danh sách cổ đông của CTCP Biển Xanh Kiên Giang để thực hiện hoán đổi cổ phiếu (ngày 31/12/2015);*
 - + *Danh sách cổ đông của CTCP Kiên Hùng sau khi sáp nhập (ngày 10/01/2016);*
 - + *Hợp đồng sáp nhập ngày 12/12/2015 giữa CTCP Kiên Hùng và CTCP Biển Xanh Kiên Giang;*
 - + *Biên bản kiểm kê và bàn giao CTCP Biển Xanh Kiên Giang cho CTCP Kiên Hùng ngày 05/01/2016;*
 - + *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 31/10/2014;*
 - + *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 31/12/2015.*
- Số lượng cổ đông CTCP Biển Xanh Kiên Giang được phát hành cổ phiếu CTCP Kiên Hùng để hoán đổi cổ phiếu CTCP Biển Xanh Kiên Giang là: 07 cổ đông.

- Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu: 1:1.
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 10/01/2016.
- Số lượng phát hành: 396.700 cổ phần.

1.4.2. Đợt 2: Tăng vốn tháng 04/2016 (Tăng vốn điều lệ lên 74.020.000.000 đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 59.987.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 74.020.000.000 đồng.
- Hình thức phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của CTCP Kiên Hùng.
- Mục đích: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 25,05%. CTCP Kiên Hùng đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Cơ quan chấp thuận việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Kiên Giang, Đại hội đồng cổ đông CTCP Kiên Hùng.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có.
- Cơ sở pháp lý:
 - + *Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2016;*
 - + *Tờ trình số 05/TTr-ĐHĐCĐ2016 ngày 04/03/2016 về việc trả cổ tức bằng cổ phiếu để bổ sung tăng vốn điều lệ;*
 - + *Thông báo số 05/2016/TB-HĐQT ngày 04/03/2016 về việc chốt danh sách để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;*
 - + *Danh sách cổ đông trước khi tăng vốn (danh sách thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm) (ngày 05/03/2016);*
 - + *Danh sách cổ đông sau khi tăng vốn (ngày 01/04/2016);*
 - + *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 31/12/2015.*
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 01/04/2016.
- Số lượng phát hành: 1.403.300 cổ phần.
- Nguồn phát hành: Từ nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:
 - + *Từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 852.424.527 đồng;*
 - + *Từ Quỹ đầu tư phát triển: 13.180.575.473 đồng.*
- Bản chất đợt phát hành này là phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

1.4.3. Đợt 3: Tăng vốn tháng 06/2017 (Tăng vốn điều lệ lên 107.000.000.000 đồng)

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 74.020.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 107.000.000.000 đồng.
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
- Mục đích: Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Cơ quan chấp thuận việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Kiên Giang, Đại hội đồng cổ đông CTCP Kiên Hùng.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có.
- Cơ sở pháp lý:
 - + *Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017;*
 - + *Tờ trình số 03/TTr-ĐHĐCĐ2017 ngày 27/04/2017 về phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;*
 - + *Thông báo số 02/2017/TB-HĐQT ngày 27/04/2017 về việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;*
 - + *Danh sách cổ đông trước khi tăng vốn (danh sách cổ đông chốt để thực hiện quyền) (ngày 28/04/2017);*
 - + *Quyết định của HĐQT số 01/2017/QĐ-HĐQT ngày 31/05/2017 về việc xử lý cổ phiếu không bán hết;*
 - + *Danh sách cổ đông sau khi tăng vốn (ngày 10/06/2017);*
 - + *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700339752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 23/06/2017.*
- Số lượng cổ đông được quyền mua cổ phần: 98 cổ đông.
- Số lượng cổ đông tham gia: Số lượng cổ đông hiện hữu đã thực hiện quyền mua cổ phần là 28 cổ đông.
- Số lượng nhà đầu tư bên ngoài tham gia mua (do nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu): 88 nhà đầu tư.
- Giá phát hành: 10.500 đồng/cổ phần (Mười ngàn năm trăm đồng/cổ phần).
- Các cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phần. Đối với phần cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và phần cổ phiếu không phân phối hết được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối cho các đối tượng khác theo nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 10/06/2017.
- Số lượng phát hành: 3.298.000 cổ phần.

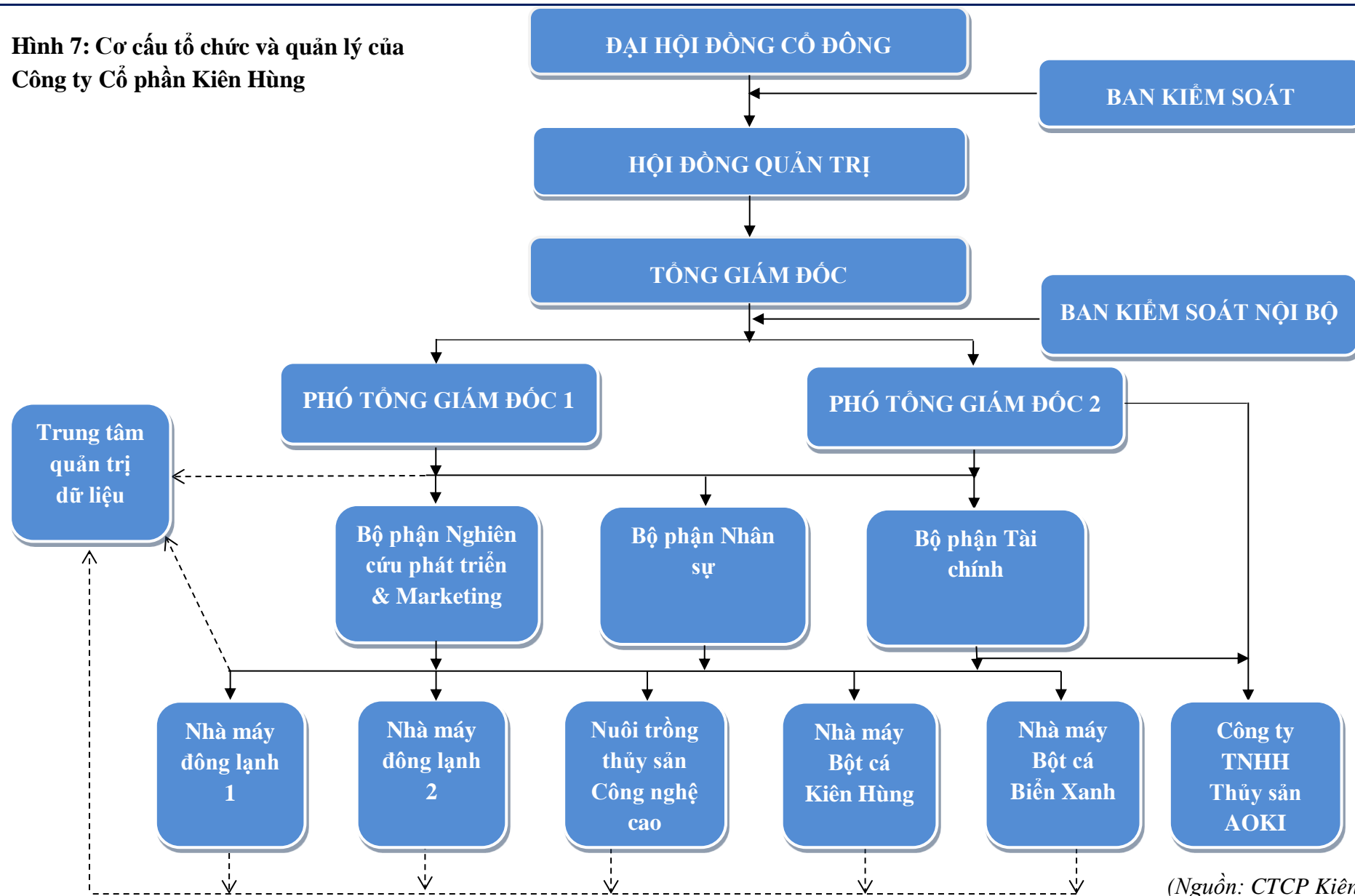


2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Kiên Hùng thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng, ban chức năng

Hình 7: Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty Cổ phần Kiên Hùng



(Nguồn: CTCP Kiên Hùng)

Trong tương lai, CTCP Kiên Hùng có thể điều chỉnh cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty sao cho phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu tổ chức và xu hướng phát triển của Công ty. Tuy nhiên, những điều chỉnh này không được trái với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

- **Đại hội đồng cổ đông**

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT và sự chấp thuận của Cơ quan đăng ký kinh doanh, ĐHĐCĐ thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ: có quyền thông qua và quyết định các vấn đề sau đây:

- + Báo cáo tài chính năm;
- + Báo cáo của HĐQT;
- + Báo cáo của BKS;
- + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- + Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Số lượng thành viên HĐQT;
- + Lựa chọn công ty kiểm toán;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
- + Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
- + Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- + Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- + Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- + Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- + Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông;
- + Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng (nếu có) kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- + Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng (nếu có) kỳ gần nhất;

+ Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

• **Hội đồng quản trị**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Cơ cấu HĐQT hiện tại như sau: 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 06 (sáu) thành viên.

Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:

- + Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- + Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- + Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- + Giám sát, chỉ đạo TGD và người điều hành khác;
- + Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- + Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- + Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- + Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
- + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- + Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- + Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- + Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- + Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
- + Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên ĐHĐCĐ;
- + Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm TGD;
- + Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

• **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu BKS hiện tại như sau: 01 (một) Trưởng Ban Kiểm soát và 02 (hai) thành viên.

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ

Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

- + Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- + Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- + Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông;
- + Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- + Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

• Ban Tổng Giám đốc

Ban TGD Công ty bao gồm TGD và 02 (hai) Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Các thành viên trong HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức danh trong Ban TGD.

- Tổng Giám đốc Công ty là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của HĐQT. TGD Công ty chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc điều hành và thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao. TGD trực tiếp chỉ đạo công việc của các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu phát triển & Marketing, Giám đốc Bộ phận Nhân sự và Giám đốc Bộ phận Tài chính. Bên cạnh đó, TGD sẽ có những chỉ đạo gián tiếp đến công việc của Giám đốc các Nhà máy và Giám đốc Nuôi trồng thủy sản. Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, TGD có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - + Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - + Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - + Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - + Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - + Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết

định;

- + Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - + Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm hoặc một thời điểm khác do HĐQT quyết định vào từng thời điểm, TGD trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;
 - + Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.
- 01 (một) Phó Tổng Giám đốc được TGD Công ty phân công và ủy quyền quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty, quản lý trực tiếp Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu phát triển & Marketing, Giám đốc Bộ phận Nhân sự và Giám đốc Bộ phận Tài chính. Bên cạnh đó Phó Tổng Giám đốc có các chỉ đạo gián tiếp đến Giám đốc các Nhà máy và Giám đốc Nuôi trồng thủy sản. Phó Tổng Giám đốc liên đới chịu trách nhiệm với TGD Công ty trước HĐQT về việc điều hành các công việc được giao.
 - 01 (một) Phó Tổng Giám đốc được TGD Công ty phân công và ủy quyền quản lý, điều hành Công ty TNHH Thủy sản Aoki do Công ty đầu tư vốn 51%. Phó Tổng Giám đốc đại diện phần vốn góp của Công ty và trực tiếp quản lý điều hành Công ty TNHH Thủy sản Aoki, liên đới chịu trách nhiệm với TGD Công ty trước HĐQT về việc điều hành các công việc được giao.

- **Các phòng, ban chức năng**

- **Ban Kiểm soát nội bộ**

Ban Kiểm soát nội bộ là đơn vị giúp việc cho TGD, chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát hiệu lực vận hành của hệ thống quản lý (ISO 9001- hệ thống quản lý chất lượng, ISO 14001- hệ thống quản lý môi trường, ISO 45001- hệ thống quản lý an toàn lao động, ISO 22000 – hệ thống quản lý an toàn thực phẩm); giám sát tính tuân thủ theo các yêu cầu của Ban TGD tới các Nhà máy và Bộ phận; cải tiến hiệu quả hệ thống quản lý; giám sát mục tiêu/ chương trình hành động của các Nhà máy và Bộ phận, báo cáo với Ban TGD về kết quả thực hiện mục tiêu/chương trình hành động toàn Công ty.

- **Bộ phận Nghiên cứu phát triển & Marketing**

Phụ trách bộ phận Nghiên cứu phát triển & Marketing là Giám đốc Nghiên cứu phát triển & Marketing.

Bộ phận Nghiên cứu phát triển & Marketing có nhiệm vụ nghiên cứu phát triển các thị trường, sản phẩm của Công ty và tìm kiếm khách hàng đối tác mới chuyển giao cho Ban Giám đốc các Nhà máy.

Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu phát triển & Marketing định kỳ có cuộc họp với Ban Giám đốc các Nhà máy nhằm xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn.

Bộ phận Nhân sự

Phụ trách bộ phận Nhân sự là Giám đốc Nhân sự.

Bộ phận Nhân sự chịu trách nhiệm về thực hiện chính sách nhân sự toàn Công ty trên cơ sở ban hành các quy chế nhân sự nội bộ, các chính sách tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự toàn Công ty. Bộ phận Nhân sự các Nhà máy có trách nhiệm tuân thủ quy định chung và có báo cáo hoạt động về Bộ phận Nhân sự Công ty.

Bộ phận Tài chính

Phụ trách Bộ phận Tài chính là Giám đốc tài chính.

Bộ phận Tài chính có nhiệm vụ định kỳ tiến hành phân tích tình hình tài chính, hoạch định tài chính của Công ty nhằm nhận diện những điểm mạnh và điểm yếu của Công ty.

Lập kế hoạch dự phòng ngân quỹ theo những hình thức phù hợp nhằm đáp ứng những nhu cầu ngân quỹ đột xuất. Duy trì khả năng thanh khoản của Công ty và đảm bảo có đủ nguồn tài chính cho hoạt động.

Thiết lập và thực hiện chính sách quản trị tiền mặt của Công ty nhằm đảm bảo có đủ lượng tiền đáp ứng các nhu cầu thanh toán ngắn hạn. Giám đốc tài chính phụ trách quản lý và chỉ đạo hoạt động của Kế toán trưởng, Phòng Kế toán và các chuyên viên kiểm toán, ngân quỹ,... trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn Công ty.

Trung tâm quản trị dữ liệu

Là nơi tập trung lưu trữ toàn bộ dữ liệu mềm của toàn Công ty bao gồm hệ thống tài liệu, hồ sơ, quy định, văn bản, hình ảnh hoạt động,... được phân quyền truy cập theo từng bộ phận và chức vụ của người dùng trong hệ thống máy tính Công ty. Dung lượng lưu trữ của Trung tâm quản trị dữ liệu rất lớn và được bộ phận Công nghệ thông tin thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo đảm hoạt động lưu trữ thông tin. Trung tâm quản trị dữ liệu được đưa vào vận hành từ tháng 06 năm 2017.

Nhà máy đông lạnh

Phụ trách Nhà máy đông lạnh là Ban Giám đốc Nhà máy đông lạnh.

Ban Giám đốc Nhà máy đông lạnh trực tiếp điều hành, quản lý hoạt động sản xuất, chế biến và bán các sản phẩm thủy sản đông lạnh. Ban Giám đốc Nhà máy đông lạnh hiện có 01 (một) Giám đốc và 01 (một) Phó Giám đốc. Hiện tại Công ty có 01 (một) Nhà máy

đông lạnh có địa chỉ tại trụ sở chính của Công ty và 01 (một) Nhà máy đông lạnh đang trong giai đoạn lập dự án xây dựng tại khu Công nghiệp Thạnh Lộc – Huyện Châu Thành.

Trong Nhà máy đông lạnh có các bộ phận giúp việc như Bộ phận sản xuất, Bộ phận kỹ thuật, Bộ phận chất lượng, Bộ phận nhân sự, Bộ phận kinh doanh và Bộ phận kế toán chịu trách nhiệm thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng, phục vụ cho yêu cầu vận hành của Nhà máy đông lạnh. Trong đó Bộ phận nhân sự chịu sự giám sát và có trách nhiệm báo cáo với Giám đốc Bộ phận nhân sự của Công ty, Bộ phận kế toán nhận chỉ đạo trực tiếp và báo cáo với Giám đốc Bộ phận tài chính của Công ty.

Bộ phận nuôi trồng thủy sản

Phụ trách Bộ phận nuôi trồng thủy sản là Ban Giám đốc nuôi trồng thủy sản.

Ban Giám đốc nuôi trồng thủy sản trực tiếp điều hành, quản lý hoạt động nuôi trồng các loại thủy sản gồm cá nước ngọt và tôm. Ban Giám đốc nuôi trồng thủy sản hiện có 01 (một) Phó Giám đốc phụ trách.

Ban Giám đốc nuôi trồng thủy sản có các bộ phận giúp việc như Bộ phận nuôi cá, Bộ phận nuôi tôm, Phòng lab, Bộ phận nhân sự, Bộ phận kinh doanh và Bộ phận kế toán chịu trách nhiệm thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng, phục vụ cho yêu cầu vận hành của khu nuôi trồng thủy sản. Trong đó Bộ phận nhân sự chịu sự giám sát và có trách nhiệm báo cáo với Giám đốc Bộ phận nhân sự của Công ty, Bộ phận kế toán nhận chỉ đạo trực tiếp và báo cáo với Giám đốc Bộ phận tài chính của Công ty.

Các Chi nhánh trực thuộc:

- Nhà máy Bột cá Kiên Hùng

- + Địa chỉ: Tổ 8 ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
- + Điện thoại: (0297) 361 8899 Fax: (0297) 361 7201

- Nhà máy Bột cá Biển Xanh

- + Địa chỉ: Tổ 22 ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
- + Điện thoại: (0297) 361 8899 Fax: (0297) 361 7201

Nhà máy bột cá

Phụ trách Nhà máy bột cá là Ban Giám đốc Nhà máy bột cá.

Ban Giám đốc Nhà máy bột cá trực tiếp điều hành, quản lý hoạt động sản xuất, chế biến và bán các sản phẩm bột cá theo định hướng của Ban TGD. Ban Giám đốc Nhà máy bột cá gồm 01 (một) Giám đốc và 03 (ba) Phó Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý điều hành 02 (hai) Nhà máy bột cá tại Khu Công nghiệp Tắc Cậu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang (Nhà máy Bột cá Kiên Hùng) và xã Linh Huỳnh, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang (Nhà máy Bột cá Biển Xanh).

Trong mỗi Nhà máy bột cá có các bộ phận giúp việc như Bộ phận sản xuất, Bộ phận kỹ

thuật, Bộ phận chất lượng, Bộ phận nhân sự và Bộ phận kế toán chịu trách nhiệm thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng, phục vụ cho yêu cầu vận hành của các Nhà máy bột cá. Trong đó Bộ phận nhân sự chịu sự giám sát và có trách nhiệm báo cáo với Giám đốc Bộ phận nhân sự của Công ty, Bộ phận Kế toán nhận chỉ đạo trực tiếp và báo cáo với Giám đốc Bộ phận tài chính của Công ty. Có 01 (một) Bộ phận kinh doanh chịu trách nhiệm về công tác kinh doanh cho cả 02 (hai) Nhà máy bột cá.

Công ty con: Công ty TNHH Thủy sản AOKI

Công ty TNHH Thủy sản AOKI là công ty con trong đó CTCP Kiên Hùng nắm giữ 51% vốn góp, được điều hành bởi 01 (một) Phó Tổng Giám đốc. Công ty TNHH Thủy sản AOKI có bộ máy quản lý riêng biệt, hạch toán độc lập bao gồm các Bộ phận: Sản xuất, Cơ khí, Chất lượng, Kinh doanh, Kế toán và Hành chính Nhân sự.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 02/11/2017

STT	Tên cổ đông	CMND/ CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	% Vốn điều lệ
1	Ông Trần Quốc Dũng	370650222	198 Lâm Quang Ky, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	2.665.560	24,91
2	Lâm Thị Hương Mai	370528284	198 Lâm Quang Ky, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	1.436.777	13,43
3	Trần Quốc Hùng	371168241	198 Lâm Quang Ky, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	636.700	5,95
4	Trịnh Quang Tiến	360443236	212A đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	845.150	7,90
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	107/UBCK- GP; 109/GCNTV LK	306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	906.161	8,47



STT	Tên cổ đông	CMND/ CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	% Vốn điều lệ
Tổng cộng				6.490.348	60,66

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 02/11/2017 của CTCP Kiên Hùng)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	CMND/ CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	% Vốn điều lệ
1	Ông Trần Quốc Dũng	370650222	198 Lâm Quang Ky, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	2.665.560	24,91
2	Lâm Thị Hương Mai	370528284	198 Lâm Quang Ky, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	1.436.777	13,43
Tổng cộng				4.102.337	38,34

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 02/11/2017 của CTCP Kiên Hùng)

Ghi chú: Theo quy định tại Khoản 3, Điều 119, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, tính đến thời điểm hiện nay các cổ đông sáng lập của Công ty CP Kiên Hùng không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

3.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 02/11/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước	10.700.000	107.000.000.000	100,00	155
	- Cá nhân	9.793.839	97.938.000.000	91,53	154
	- Tổ chức	906.161	9.062.000.000	8,47	1
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0	0
	- Tổ chức	0	0	0	0



STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	10.700.000	107.000.000.000	100,00	155

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 02/11/2017 của CTCP Kiên Hùng)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

4.1. Danh sách Công ty mẹ của Tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

4.2. Danh sách Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty hiện có 01 công ty con, cụ thể như sau:

Tên Công ty	: Công ty TNHH Thủy sản AOKI
Trụ sở chính	: 14A ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
Điện thoại	: (0297) 3746 666
Fax	: (0297) 3746 688
Giấy Chứng nhận đầu tư	: Số 56 1022 000019 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/12/2012, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 21/08/2013. Mã số thuế: 1701888593.
Vốn điều lệ đăng ký	: 83.468.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 83.468.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Kiên Hùng tại Công ty TNHH Thủy sản AOKI	: 51%
Hoạt động kinh doanh chính	: Chế biến và Xuất khẩu Surimi

4.3. Danh sách Công ty liên doanh, liên kết của Tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ của Công ty trong năm 2015 - 2016 và 09 tháng đầu năm 2017

5.1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm chính của Công ty

- **Thành phẩm đông lạnh**

Công ty Cổ phần Kiên Hùng hoạt động khá lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh.

Sản phẩm thủy sản đông lạnh của Công ty CP Kiên Hùng được biết đến trên thị trường là những thực phẩm ngon, giàu chất dinh dưỡng, an toàn, vệ sinh, được chế biến từ nguồn nguyên liệu tươi và dây chuyền sản xuất hiện đại, tuân thủ chương trình quản lý chất lượng nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn HACCP. Chính đặc điểm này đã giúp cho sản phẩm của Kiên Hùng được khẳng định trên thị trường khó tính – Nhật Bản và làm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm. Năm 2014, Công ty chính thức mở rộng thị trường sang EU, Mỹ, Canada... đồng thời danh mục sản phẩm cũng được đa dạng hóa với trên 100 sản phẩm và nguồn nguyên liệu đa dạng từ mực, cá biển, cá nước ngọt, ghẹ, sò, ốc ...

Sản phẩm từ nhuyễn thể		
		
Mực nang phi lê cuộn	Mực nang sushi cắt đôi và cắt sợi	Mực nang cắt trái thông
		
Mực ống cắt khoanh tẩm bột	Mực ống cào	Mực ống cắt khoanh
Sản phẩm từ cá		



Cá he nguyên con



Cá chạch nguyên con



Cá bạc má nguyên con



Cá lạt cắt khúc



Cá phèn râu nguyên con



Cá nhám cắt khoanh

Sản phẩm khác



Cua rạm nguyên con



Ghẹ xanh cắt



Tép rong xanh

Sản phẩm bột cá



Độ đậm 55%, 60%, 65%, 67%

- **Bột cá**

Ngoài hoạt động sản xuất và chế biến thủy sản đông lạnh, Công ty CP Kiên Hùng còn hoạt động trong lĩnh vực thương mại bột cá. Thương hiệu bột cá KihuFish đã tạo dựng được tên tuổi ở Khu vực Tây Nam Bộ nói riêng và Khu vực phía Nam nói chung.

Các sản phẩm bột cá của công ty có độ đậm từ 55% - 67% tùy theo từng chủng loại sản phẩm: Standard, Super, Prime và Super Prime và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm bột cá của công ty cũng được khách hàng đánh giá tốt và đặt mua với số lượng ổn định qua các năm.

Ban Lãnh đạo Công ty đặt yêu cầu tiên quyết là đảm bảo chất lượng đúng với những gì đã cam kết với khách hàng trong suốt quá trình chế biến đến khi đến tay người tiêu dùng, từ đó đã tạo được lòng tin của khách hàng đối với sản phẩm cùng sự hài lòng về tiêu chí phục vụ vì nhu cầu khách hàng của Công ty.

Sản phẩm bột cá



Độ đậm 55%, 60%, 65%, 67%

- **Nước đá**

Công ty có các máy nước đá để sản xuất hàng phục vụ cho các nhà máy đông lạnh trong việc sản xuất. Một phần sản phẩm nước đá được bán cho công ty con và bán ra bên ngoài với số lượng không đáng kể.

- **Dịch vụ**

Công ty có các phương tiện vận tải để phục vụ chuyên chở các mặt hàng đông lạnh. Ngoài việc phục vụ cho công ty mẹ, các phương tiện vận tải được cho thuê đối với công ty con và một số công ty bên ngoài khác. Doanh thu phát sinh từ mảng này khá thấp qua các năm.

- **Phế liệu và sản phẩm dịch vụ khác**

Trong quá trình sản xuất của Công ty con có phát sinh các phế liệu: đầu cá, xương cá. Công ty con tận dụng phế liệu này để bán ra bên ngoài hoặc bán cho công ty mẹ để làm nguyên liệu sản xuất bột cá.

5.2. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp

5.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần theo các mảng sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		%	Tỷ	Tỷ
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)			
- Doanh thu Thành phẩm đồng lạnh (*)	135.505.809.204	22,08	219.089.336.307	30,49	61,68	220.118.838.985	37,39
- Doanh thu bột cá (**)	477.634.577.262	77,82	498.737.813.734	69,40	4,42	367.807.556.256	62,48
- Doanh thu nước đá	618.141.000	0,10	432.630.000	0,06	(30,01)	370.656.000	0,06
- Doanh thu dịch vụ	-	-	416.189.091	0,06	-	349.560.000	0,06
- Doanh thu phế liệu và doanh thu khác	-	-	-	-	-	-	-
DT thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	613.758.527.466	100	718.675.969.132	100	17,09	588.646.611.241	100

(*) Doanh thu thành phẩm đồng lạnh – Công ty mẹ đã được loại trừ các khoản giảm trừ doanh thu do chiết khấu thương mại trong năm 2015, 2016 và 9T/2017 lần lượt là: 465.824.867 đồng, 0 đồng và 535.371.300 đồng.

(**) Doanh thu bột cá - Công ty mẹ đã được loại trừ các khoản giảm trừ doanh thu do chiết khấu thương mại trong năm 2015, 2016 và 9T/2017 lần lượt là: 481.199.500 đồng, 63.824.551 đồng và 325.950.323 đồng.

(Nguồn: BCTC riêng năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC riêng 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Theo BCTC riêng của CTCP Kiên Hùng, doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2016 đạt 718,68 tỷ đồng, tăng 104,92 tỷ đồng (tương ứng tăng 17,09%) so với năm 2015. Trong năm 2016, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động sản xuất và tiêu thụ hàng thủy sản đồng lạnh, vốn là thế mạnh của Công ty và cũng được Ban lãnh đạo Công ty định hướng phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Doanh thu thuần trong năm 2016 từ mảng thành phẩm đồng lạnh Công ty mẹ

tăng mạnh 83,58 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 61,68% so với năm 2015. Mảng bột cá trong năm 2016 chỉ chứng kiến sự tăng trưởng nhẹ 4,42% so với năm 2015. Ngoài ra, các mảng doanh thu nước đá và doanh thu dịch vụ không có nhiều biến động về doanh thu thuần xét về giá trị tuyệt đối, cụ thể doanh thu thuần mảng nước đá giảm 186 triệu đồng, doanh thu thuần dịch vụ tăng 416 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2015. Trong năm 2016, Công ty mẹ không phát sinh doanh thu phế liệu và doanh thu khác.

Trong 09 tháng đầu năm 2017, doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 588,65 tỷ đồng, tăng gần 11,02% so với cùng kỳ năm 2016 (530,23 tỷ đồng). Trong 09 tháng đầu năm 2017, hoạt động sản xuất và tiêu thụ thành phẩm đông lạnh tiếp tục được Công ty đẩy mạnh nên doanh thu thuần mặt hàng thành phẩm đông lạnh tăng 65,34 tỷ đồng (tương ứng tăng 42,21%) so với cùng kỳ năm 2016 (154,8 tỷ đồng). Doanh thu thuần mảng bột cá trong 09 tháng đầu năm 2017 giảm 1,96% so với cùng kỳ năm 2016 (375,15 tỷ đồng), tình hình tiêu thụ sản phẩm bột cá của Công ty mẹ đang có diễn biến chậm lại trong 09 tháng đầu năm 2017. Ngoài ra, các mảng doanh thu nước đá và doanh thu dịch vụ không có nhiều biến động về doanh thu xét về giá trị tuyệt đối, cụ thể doanh thu thuần mảng nước đá tăng 338 triệu đồng, doanh thu thuần dịch vụ tăng 32 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2016 (doanh thu thuần 09 tháng đầu năm 2017 của 02 mảng này lần lượt là 33 triệu đồng và 317 triệu đồng). Trong 09 tháng đầu năm 2017, Công ty mẹ không phát sinh doanh thu phế liệu và doanh thu khác.

Trong cơ cấu doanh thu thuần 09 tháng đầu năm 2017, doanh thu thuần từ thành phẩm đông lạnh và doanh thu thuần bột cá chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt đạt 220,12 tỷ đồng và 367,81 tỷ đồng (tương ứng tỷ lệ 37,39% và 62,48% tổng doanh thu thuần). Phần còn lại đến từ doanh thu mảng nước đá và doanh thu dịch vụ chiếm tỷ trọng khá nhỏ, chỉ chiếm lần lượt là: 0,06% và 0,06% tổng doanh thu thuần.

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016			Tỷ trọng/ Tổng DT (%)	
	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Tổng DT (%)	% Tăng/giảm 2016/2015		
- Doanh thu Thành phẩm đông lạnh (*)	346.870.166.162	41,19	405.422.349.444	44,83	16,88	411.969.144.631	52,15
- Doanh thu bột cá (**)	480.058.331.469	57,01	487.612.927.234	53,92	1,57	367.807.556.256	46,56



Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016			9T/2017	Tỷ trọng/Tổng DT (%)
	Giá trị	Tỷ trọng/Tổng DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/Tổng DT (%)	% Tăng/giảm 2016/2015		
- Doanh thu nước đá	618.141.000	0,07	432.630.000	0,05	(30,01)	370.656.000	0,05
- Doanh thu dịch vụ	-		416.189.091	0,05	-	349.560.000	0,04
- Doanh thu phí liệu và doanh thu khác	14.496.149.068	1,72	10.502.639.683	1,16	(27,55)	9.432.366.072	1,19
DT thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	842.042.787.699	100	904.386.735.452	100	7,40	789.929.282.959	100

(*) Doanh thu thành phẩm đông lạnh – hợp nhất đã được loại trừ các khoản giảm trừ doanh thu do chiết khấu thương mại trong năm 2015, 2016 và 9T/2017 lần lượt là: 470.320.367 đồng, 0 đồng và 535.371.300 đồng.

(**) Doanh thu bột cá - hợp nhất đã được loại trừ các khoản giảm trừ doanh thu do chiết khấu thương mại trong năm 2015, 2016 và 9T/2017 lần lượt là: 481.199.500 đồng, 63.824.551 đồng và 325.950.323 đồng.

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Theo BCTC hợp nhất của CTCP Kiên Hùng, doanh thu thuần năm 2016 đạt 904,39 tỷ đồng, tăng 62,34 tỷ đồng (tương ứng tăng 7,40%) so với năm 2015. Nguyên nhân là trong năm 2016, Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất mặt hàng thành phẩm đông lạnh phục vụ cho thị trường xuất khẩu. Với uy tín trên thị trường của Công ty đã xây dựng được, số lượng đơn đặt hàng của các đối tác nước ngoài cũng đã liên tục tăng lên trong thời gian vừa qua.

Trong 09 tháng đầu năm 2017, CTCP Kiên Hùng tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khi doanh thu thuần hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 đạt 789,93 tỷ đồng, tăng 18,05% so với cùng kỳ năm 2016 (669,14 tỷ đồng).

Trong 09 tháng đầu năm 2017, cả Công ty mẹ và công ty con đều tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất và tiêu thụ thành phẩm đông lạnh, dẫn đến doanh thu thuần mảng này trong 09 tháng năm 2017 đã tăng 128,77 tỷ đồng (tương ứng tăng 45,47%) so với cùng kỳ năm 2016 (283,20 tỷ đồng), và tiếp tục đóng góp vào sự tăng trưởng của doanh thu thuần hợp nhất Công ty. Doanh thu thuần hợp nhất mảng bột cá trong 09 tháng đầu năm 2017 là 367,81 tỷ đồng, giảm



7,34 tỷ đồng (tương ứng giảm 1,96%) so với cùng kỳ năm 2016 (375,15 tỷ đồng), tình hình tiêu thụ sản phẩm bột cá của Công ty đang có diễn biến chậm lại trong 09 tháng đầu năm 2017. Ngoài ra, các mảng doanh thu nước đá và doanh thu dịch vụ không có nhiều biến động về doanh thu xét về giá trị tuyệt đối, cụ thể doanh thu thuần mảng nước đá tăng 338 triệu đồng, doanh thu thuần dịch vụ tăng 32 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2016 (doanh thu thuần trong 09 tháng đầu năm 2017 của 02 mảng này lần lượt là: 33 triệu đồng và 317 triệu đồng). Trong 09 tháng đầu năm 2017, doanh thu thuần hợp nhất mảng phế liệu là 9,43 tỷ đồng, giảm 1,07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016 (10,50 tỷ đồng).

Doanh thu thuần hợp nhất trong 09 tháng đầu năm 2017 ngoài sự đóng góp của Công ty mẹ là 588,65 tỷ đồng còn có sự đóng góp của công ty con (Công ty TNHH Thủy sản Aoki) khoảng 201,28 tỷ đồng.

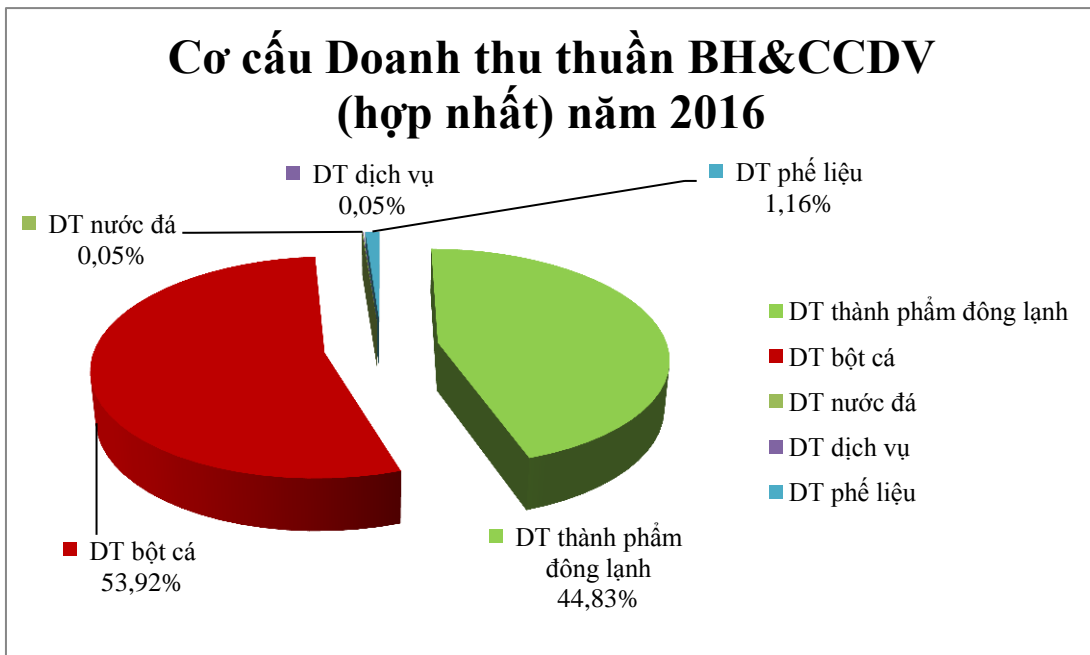
Trong cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017, doanh thu thuần từ thành phẩm đông lạnh và doanh thu bột cá chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt đạt 411,97 và 367,81 tỷ đồng (tương ứng tỷ lệ 52,15% và 46,56% trên tổng doanh thu thuần).

Phần còn lại đến từ doanh thu mảng nước đá, doanh thu dịch vụ, doanh thu phế liệu & doanh thu khác chiếm tỷ trọng khá nhỏ, lần lượt là: 0,05%, 0,04% và 1,19% trên tổng doanh thu thuần.

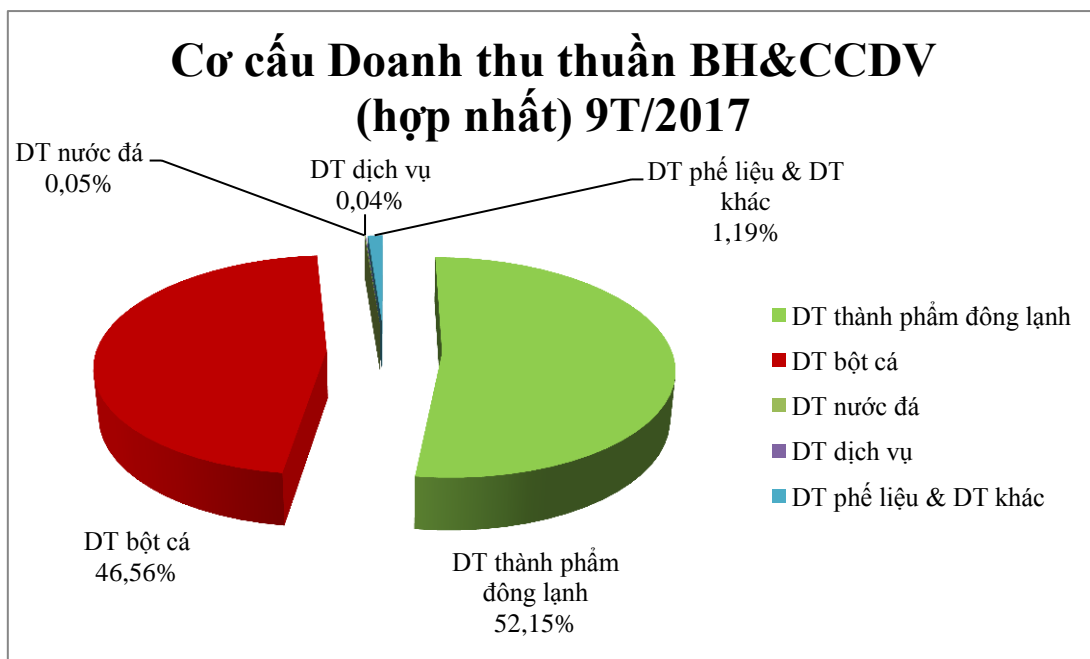
Các sản phẩm đông lạnh và surimi của Công ty hiện nay chủ yếu phục vụ cho thị trường xuất khẩu, chiếm khoảng 85-90% giá trị sản lượng của Công ty, chỉ khoảng 10-15% giá trị sản lượng là phục vụ cho thị trường trong nước. Các thị trường xuất khẩu chính của Công ty là: Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ, Canada và Thái Lan. Các khách hàng nước ngoài đặt mua với số lượng lớn là: Progress, Sanpo, Euromex, Tokai Denpun, Alliance Oceane, PMF ...

Đối với sản phẩm bột cá, doanh thu bán hàng cho thị trường nội địa đạt chiếm khoảng 90-95%, chỉ một phần nhỏ là dành cho thị trường xuất khẩu. Các đối tác chính của Công ty là: Tongwei Việt Nam, Greenfeed Việt Nam, Cargill Việt Nam, GuyoMarch Việt Nam, Japan Nutrition ...

Hình 8: Biểu đồ cơ cấu Doanh thu hợp nhất hoạt động Công ty năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017



(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán của CTCP Kiên Hùng)



(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Trong năm 2017 cũng chứng kiến sự dịch chuyển trong cơ cấu doanh thu thuần của CTCP Kiên Hùng. Tỷ trọng đóng góp của mảng thành phẩm đông lạnh biến động tăng từ 44,83% lên 52,15% tổng doanh thu thuần. Trong khi đó, mảng doanh thu thuần bột cá giảm tỷ trọng đóng góp từ 53,92% xuống còn 46,56% tổng doanh thu thuần.

Việc này hoàn toàn phù hợp với định hướng của Công ty trong việc đẩy mạnh sản xuất hàng thành phẩm đông lạnh trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, các mảng doanh thu nước đá, dịch vụ và phế liệu vẫn duy trì tỷ lệ khá nhỏ trong cơ cấu tổng doanh thu.

5.2.2. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo các mảng sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016			9T/2017	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)
	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)	% Tăng/ giảm 2016/2015		
LN gộp thành phẩm đông lạnh (*)	15.740.726.519	2,56	24.679.820.064	3,43	56,79	23.104.199.348	3,92
LN gộp bột cá (**)	35.594.278.271	5,80	39.936.376.696	5,56	12,20	39.810.666.092	6,76
LN gộp nước đá	118.342.098	0,02	79.332.119	0,01	(32,96)	67.699.997	0,01
LN gộp dịch vụ	-	-	(79.950.402)	-	-	(1.011.648)	-
LN gộp phế liệu	-	-	-	-	-	-	-
Tổng LN gộp	51.453.346.888	8,38	64.615.578.477	8,99	25,58	62.981.553.789	10,70

(*) (**) Số liệu Lợi nhuận gộp đã được điều chỉnh giảm Các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng (chi tiết ở Bảng 5).

(Nguồn: BCTC riêng năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC riêng 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Theo BCTC riêng CTCP Kiên Hùng, lợi nhuận gộp Công ty mẹ năm 2016 là 64,62 tỷ đồng, tăng 25,58% so với năm 2015 và chiếm tỷ trọng 8,99% doanh thu thuần. Trong 09 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận gộp Công ty mẹ là 62,98 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 10,70% doanh thu thuần, tăng 14,02 tỷ đồng (tương ứng tăng 28,63%) so với cùng kỳ năm 2016 (48,97 tỷ đồng). Tỷ lệ lợi nhuận gộp của Công ty mẹ biến động tăng nhẹ trong các năm trở lại đây. Nguyên nhân là do Công ty mẹ đã đi vào hoạt động ổn định khá lâu, cộng với việc đẩy mạnh hoạt động chế biến thủy sản đông lạnh đã góp phần giảm định phí trên từng sản phẩm, dẫn đến tăng hiệu quả hoạt động Công ty mẹ.

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ 09 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận gộp mảng thành phẩm đông lạnh và mảng bột cá lần lượt là: 23,10 và 39,81 tỷ đồng, lần lượt chiếm tỷ trọng 3,92% và 6,76% doanh thu thuần. Mặc dù doanh thu thuần mảng thành phẩm đông lạnh lớn hơn mảng bột cá, nhưng lợi nhuận từ mảng bột cá mang lại hiện đang lớn hơn. Nguyên nhân là do sản

lượng của mảng chế biến thủy sản đông lạnh vẫn còn khiêm tốn và chưa phản ánh được quy mô đầu tư của Công ty cũng như chưa tận dụng được lợi thế về quy mô đầu tư mang lại. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc chế biến và tiêu thụ đối với mảng thành phẩm đông lạnh (là thủy sản được chế biến từ nhà máy), để giảm chi phí trên từng sản phẩm, từ đó gia tăng lợi nhuận của mảng chế biến thủy sản đông lạnh (mảng chủ lực của Công ty thời gian tới).

Hiện hai mảng thành phẩm đông lạnh và mảng bột cá vẫn duy trì tỷ trọng lớn và chủ đạo trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ.

Lợi nhuận gộp từ mảng nước đá chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể (0,01% doanh thu thuần trong năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017).

Mảng dịch vụ của Công ty mẹ trong năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 lần lượt âm 80 triệu đồng và âm 01 triệu đồng. Đây là mảng dịch vụ cho thuê xe chở hàng đông lạnh của Công ty mẹ đối với công ty con và một số công ty nhỏ bên ngoài. Mảng dịch vụ chở hàng đông lạnh này là hoạt động phụ và Công ty không định hướng phát triển mảng này.

Công ty mẹ không phát sinh lợi nhuận từ mảng phế liệu trong năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017.

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng/ giảm 2016/2015	9T/2017	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)
	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)			
- LN gộp thành phẩm đông lạnh (*)	42.266.344.688	5,02	43.100.466.968	4,77	1,97	29.991.147.812	3,80
- LN gộp bột cá (**)	46.190.926.558	5,49	39.936.376.696	4,42	(13,54)	39.810.666.092	5,04
- LN gộp nước đá	118.342.098	0,01	79.332.119	0,01	(32,96)	67.699.997	0,01
- LN gộp dịch vụ	-	-	(79.950.402)	-	-	(1.011.648)	-



Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng/ giảm 2016/2015	9T/2017	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)
	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)			
- LN gộp phé liệu	323.455.918	0,04	202.785.371	0,02	(37,31)	81.357.456	0,01
Tổng LN gộp	88.899.069.262	10,56	83.239.010.752	9,20	(6,37)	69.949.859.709	8,86

(*) (**) Số liệu Lợi nhuận gộp đã được điều chỉnh giảm Các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng (chi tiết ở Bảng 6).

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Theo BCTC hợp nhất CTCP Kiên Hùng, lợi nhuận gộp năm 2016 là 83,24 tỷ đồng, giảm 6,37% so với năm 2015 và chiếm tỷ trọng 9,20% doanh thu thuần. Trong 09 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận gộp là 69,95 tỷ đồng, tăng 9,19% so với cùng kỳ năm 2016 (64,06 tỷ đồng). Lợi nhuận gộp 09 tháng đầu năm 2017 hiện chiếm tỷ lệ 8,86% doanh thu thuần.

Tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu thuần hợp nhất biến động giảm nhẹ trong giai đoạn 2015 - 2017. Nguyên nhân là do công ty con (Công ty TNHH Thủy sản Aoki) đang trong quá trình đầu tư thêm và hoàn thiện máy móc thiết bị, nhà xưởng phục vụ sản xuất, nên định phí trên từng sản phẩm công ty con vẫn còn khá cao.

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận gộp mảng thành phẩm đông lạnh và giá vốn bột cá lần lượt là 29,99 tỷ đồng và 39,81 tỷ đồng, lần lượt chiếm tỷ trọng 3,80% và 5,04% doanh thu thuần. Mặc dù doanh thu thuần hợp nhất mảng thành phẩm lớn hơn mảng bột cá, nhưng lợi nhuận hợp nhất từ mảng bột cá mang lại hiện đang lớn hơn. Nguyên nhân là do sản lượng của mảng chế biến thủy đông lạnh của Công ty mẹ và công ty con còn khá khiêm tốn so với quy mô. Trong thời gian tới, Công ty mẹ và công ty con sẽ đẩy mạnh việc chế biến và tiêu thụ đối với mảng thành phẩm đông lạnh (là thủy sản được chế biến từ nhà máy), để giảm chi phí trên từng sản phẩm, từ đó gia tăng lợi nhuận của mảng chế biến thủy sản đông lạnh (mảng chủ lực của Công ty thời gian tới).

Lợi nhuận gộp từ mảng nước đá chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, 0,01% doanh thu thuần trong năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017.

Mảng dịch vụ hợp nhất trong năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 lần lượt âm 80 triệu đồng và âm 01 triệu đồng. Đây là mảng dịch vụ cho thuê xe chở hàng đông lạnh của Công ty mẹ đối với công ty con và một số công ty nhỏ bên ngoài. Mảng dịch vụ chở hàng đông lạnh này là

hoạt động phụ và Công ty không định hướng phát triển mảng này.

Lợi nhuận hợp nhất từ mảng phế liệu trong năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 lần lượt là 203 triệu đồng và 81 triệu đồng, chiếm tỷ lệ khá nhỏ, lần lượt 0,02% và 0,01% doanh thu thuần năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017. Phế liệu được sản sinh trong quá trình sản xuất của công ty con, được tận dụng để bán ra bên ngoài hoặc bán cho Công ty mẹ làm nguyên liệu sản xuất bột cá.

5.3. Nguyên vật liệu

5.3.1. Nguồn nguyên vật liệu

Là một doanh nghiệp xuất khẩu với nguyên liệu chủ lực là mực và cá – nguồn từ khai thác đánh bắt, Công ty không tránh khỏi các tác động của đặc điểm nguồn nguyên liệu khai thác, đó là sự phụ thuộc vào mùa vụ khai thác, các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt, sự suy giảm nguồn lợi thủy sản qua các năm do nhu cầu nguyên liệu ngày càng cao, sự cạnh tranh do phát triển ngày càng nhiều các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy hải sản... Tất cả những yếu tố trên đã làm ảnh hưởng đến chi phí cho nguyên liệu cũng như sự ổn định trong sản xuất của Công ty.

Nguồn nguyên liệu chính cho sản xuất các sản phẩm đông lạnh của Công ty là mực, cá biển, cá nước ngọt, sò, ốc, ghẹ... Nguyên liệu chủ yếu được Công ty mua từ vùng biển Kiên Giang – vốn có nguồn lợi thủy sản dồi dào, đa dạng và các vùng nuôi như Bạc Liêu, Đồng Tháp... Tuy nhiên trong những năm gần đây, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm thời tiết thay đổi, mưa nắng thất thường đã làm cho nguồn lợi khai thác có nhiều biến động. Trước tình hình đó Công ty đã mở rộng nhập khẩu nguyên liệu mực từ các nước Đông Nam Á và Trung Á. Đây là những hải sản tươi sống có giá trị xuất khẩu cao và đáp ứng được tiêu chuẩn của các thị trường khó tính như Nhật và Châu Âu. Các loại mực thường nhập của Công ty bao gồm mực ống và mực nang có thành phần dinh dưỡng cao.

Nguồn nguyên liệu chính cho sản xuất sản phẩm bột cá của Công ty là các loại cá biển nhỏ, có hàm lượng đạm cao như cá cơm, cá liệt, cá xô... là nguồn nguyên liệu cho ngành chăn nuôi thức ăn gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Nguồn nguyên liệu của bột cá chủ yếu đến từ vùng biển Kiên Giang từ các địa phương như Ba Hòn, Hà Tiên, Tắc Cậu... Chính vì nguồn nguyên liệu biển của sản phẩm đông lạnh và bột cá đều chủ yếu từ vùng biển Kiên Giang đã tạo nên lợi thế của Công ty trong việc thu mua nguyên liệu tại địa phương.

5.3.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Trước những rủi ro đặc thù trên, ngay từ ngày đầu hoạt động, yếu tố mùa vụ đã được Công ty khắc phục bằng việc dự trữ nguyên liệu trong những tháng cao điểm của nguyên liệu đầu vào để duy trì cho thời gian thấp điểm của nguồn cung ứng. Trước sự phát triển của ngành thủy sản, sự cạnh tranh trong thu mua nguyên liệu đầu vào cũng như sự suy giảm nguồn lợi thủy sản, Công ty đã nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài để giải quyết và duy trì ổn định sản xuất, tạo việc làm cho người lao động tại Công ty. Với chiến lược này, Công ty đã bước đầu giải quyết khó khăn về nguyên liệu trong giai đoạn thiếu nguồn cung ứng mà chủ yếu tập trung vào tháng 11 đến tháng 03 hàng năm và sẽ tiếp tục mở rộng nhập khẩu nguyên liệu trong tương lai.

5.3.3. Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Sự cạnh tranh gay gắt trong thu mua nguyên liệu giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành để hoàn tất các đơn hàng xuất khẩu vào những thời điểm nhất định cũng là nguyên nhân làm tăng giá nguyên liệu, mặc dù không thường xuyên. Ngoài ra, diện tích và sản lượng nuôi thả chưa phát triển đồng bộ dẫn đến thiếu nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy. Cá và mực nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá thành của từng loại sản phẩm của Công ty, vì vậy mỗi biến động về giá cá nguyên liệu và mực nguyên liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty.

5.4. Chi phí sản xuất

Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng/ giảm 2016/2015	9T/2017	Tỷ trọng/ DTT (%)
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)			
Chi phí giá vốn hàng bán	562.305.180.578	91,62	654.060.390.655	91,01	16,32	525.665.057.452	89,30
Chi phí tài chính	11.002.464.084	1,79	12.830.341.561	1,79	16,61	8.210.076.339	1,39
Chi phí bán hàng	13.030.174.068	2,12	12.236.806.280	1,70	(6,09)	11.006.234.438	1,87
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.645.708.006	1,57	13.386.522.344	1,86	38,80	12.075.180.852	2,05
Chi phí khác	134.948.706	0,02	1.286.689.973	0,18	853,47	21.381.271	0,0036
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.791.251	0,0014	47.816.476	0,01	433,91	-	-
Tổng cộng chi phí	596.127.266.693	97,13	693.848.567.289	96,55	16,39	556.977.930.352	94,62

(Nguồn: BCTC riêng năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC riêng 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: chế biến thủy sản đông lạnh, sản xuất và thương mại các sản phẩm bột cá. Phân khúc thị trường Công ty đang phát triển là Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ, Canada và Thái Lan là những thị trường khó tính và có sự đòi hỏi cao về chất lượng sản phẩm. Do đó Công ty Kiên Hùng liên tục có những bước đầu tư trang thiết bị, máy móc nhằm nâng

cao chất lượng sản phẩm, đồng thời đầu tư xây dựng thêm nhà máy nhằm nâng công suất sản xuất để đáp ứng cho nhu cầu mua hàng ngày càng nhiều của các đối tác nước ngoài.

Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng đẩy mạnh doanh số hoạt động để góp phần giảm giá thành trên từng đơn vị sản phẩm, đồng thời tích cực kiểm soát các chi phí, tránh lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty hiệu quả.

Theo BCTC riêng CTCP Kiên Hùng, chi phí giá vốn hàng bán luôn ở mức cao qua các năm, lần lượt chiếm tỷ trọng 91,62%, 91,01% và 89,30% vào năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017. Nguyên nhân là do Công ty hoạt động trong ngành sản xuất, các chi phí đầu tư nhà xưởng và máy móc khá lớn và phản ánh vào giá vốn hàng bán. Ngoài ra, việc biến động giá nguyên vật liệu đầu vào và tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu dẫn đến chi phí nguyên vật liệu đầu vào thường khá cao ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán. Tuy nhiên, Công ty có chính sách tiết giảm chi phí, đồng thời nâng cao trình độ công nghệ để tăng công suất và giảm hao hụt trong quá trình sản xuất dẫn đến tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần giảm nhẹ trong các năm gần đây.

Chi phí bán hàng của Công ty mẹ trong năm 2016 là 12,24 tỷ đồng, giảm 6,09% so với năm 2015 và chiếm tỷ lệ 1,70% doanh thu thuần. Chi phí bán hàng của Công ty mẹ trong 09 tháng đầu năm 2017 là 11,01 tỷ đồng, tăng 24,57% so với cùng kỳ năm 2016 (8,84 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 1,87% doanh thu thuần. Nguyên nhân là do Công ty tích cực đẩy mạnh doanh số bán ra trong kỳ nên chi phí bán hàng trong kỳ tăng lên. Tuy nhiên, xét về tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu thuần thì tỷ lệ này không biến động nhiều qua các năm, cho thấy Công ty mẹ kiểm soát khá tốt chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty mẹ năm 2016 là 13,39 tỷ đồng, tăng 38,80% so với năm 2015 và chiếm tỷ lệ 1,86% doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty mẹ trong 09 tháng đầu năm 2017 là 12,08 tỷ đồng, tăng 25,42% so với cùng kỳ năm 2016 (9,63 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 2,05% doanh thu thuần. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng tăng trong các năm trở lại đây do Công ty chú trọng đầu tư cho đội ngũ quản lý nhà máy giỏi cũng như kết hợp thêm các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực thủy sản nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường xuất khẩu cũng như trong nước.

Chi phí tài chính trong năm 2016 là 12,83 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,79% doanh thu thuần, tăng 16,62% so với năm 2015. Nguyên nhân là do Công ty mẹ tăng cường sử dụng hạn mức tín dụng được cấp tại các ngân hàng để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động trong kỳ. Chi phí tài chính trong 09 tháng đầu năm 2017 là 8,21 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,39% doanh thu thuần. Tỷ lệ này trong 09 tháng đầu năm 2017 giảm 0,4% so với tỷ lệ này trong năm 2016 do Công ty mẹ giảm dần sử dụng vốn vay ngân hàng và huy động thêm nguồn vốn chủ sở hữu để tài trợ nhu cầu vốn trong kỳ.

Chi phí khác trong chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu Công ty mẹ, đạt 0,18% và 0% doanh thu thuần năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017.

Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 - Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng/ giảm 2016/2015	9T/2017	Tỷ trọng/ DTT (%)
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)			
Chi phí giá vốn hàng bán	753.143.718.437	89,44	821.147.724.700	90,80	9,03	719.979.423.250	91,14
Chi phí tài chính	17.879.418.936	2,12	16.353.851.394	1,81	(8,53)	13.093.398.699	1,66
Chi phí bán hàng	23.501.501.627	2,79	20.859.002.292	2,31	(11,24)	23.012.226.856	2,91
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.960.012.922	2,01	20.169.446.719	2,23	18,92	16.692.394.411	2,11
Chi phí khác	543.924.970	0,06	1.584.189.205	0,18	191,25	225.495.146	0,03
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.791.251	0,00104	73.180.968	0,01	732,43	180.000	0,00002
Tổng cộng chi phí	812.037.368.143	96,44	880.187.395.278	97,32	8,39	773.003.118.362	97,86

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Theo BCTC hợp nhất CTCP Kiên Hùng, chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ lệ cao qua các năm, lần lượt chiếm tỷ trọng 89,44%, 90,80% và 91,14% vào 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017. Hiện mảng hoạt động chính của Công ty mẹ là chế biến thủy sản đông lạnh, sản xuất và thương mại bột cá; hoạt động chính của công ty con là sản xuất và chế biến thủy sản đông lạnh. Do đó giá vốn hàng bán phụ thuộc rất nhiều vào giá nguyên vật liệu đầu vào. Việc biến động giá nguyên vật liệu đầu vào và tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu dẫn đến chi phí nguyên vật liệu đầu vào thường khá cao, cộng với áp lực cạnh tranh giá bán của các đối thủ trên thị trường dẫn đến tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần cao. Theo BCTC hợp nhất, chi phí giá vốn đông lạnh và giá vốn bột cá chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá vốn hàng bán.

Chi phí bán hàng hợp nhất trong năm 2016 là 20,59 tỷ đồng, giảm 11,24% so với năm 2015 và chiếm tỷ lệ 2,31% doanh thu thuần. Chi phí bán hàng hợp nhất trong 09 tháng đầu năm 2017 là 23,01 tỷ đồng, tăng 56,70% so với cùng kỳ năm 2016 (14,69 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 2,91% doanh

thu thuận. Nguyên nhân là do Công ty tích cực đẩy mạnh doanh số bán ra trong kỳ nên chi phí bán hàng trong kỳ tăng lên. Tuy nhiên xét về tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu thuận thì tỷ lệ này không biến động nhiều qua các năm, cho thấy Công ty mẹ kiểm soát khá tốt chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất năm 2016 là 20,17 tỷ đồng, tăng 18,92% so với năm 2015 và chiếm tỷ lệ 2,23% doanh thu thuận. Chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty mẹ trong 09 tháng đầu năm 2017 là 16,69 tỷ đồng, tăng 13,37% so với cùng kỳ năm 2016 (14,72 tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 2,11% doanh thu thuận. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng tăng trong các năm trở lại đây do Công ty mẹ và công ty con đều chú trọng đầu tư cho đội ngũ quản lý nhà máy giỏi cũng như kết hợp thêm các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực thủy sản nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường xuất khẩu cũng như trong nước.

Chi phí tài chính trong năm 2016 là 16,35 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,81% doanh thu thuận, giảm 8,53% so với năm 2015. Chi phí tài chính trong 09 tháng đầu năm 2017 là 13,09 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,66% doanh thu thuận. Tỷ lệ này trong 09 tháng đầu năm 2017 giảm 0,15% so với tỷ lệ này trong năm 2016 do Công ty mẹ giảm dần sử dụng vốn vay ngân hàng và huy động thêm nguồn vốn chủ sở hữu để tài trợ nhu cầu vốn trong kỳ.

Chi phí khác trong chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu Công ty mẹ, đạt 0,18% và 0,03% doanh thu thuận năm 2016 và 09 tháng đầu năm 2017.

5.5. Trình độ công nghệ

Năm 2003 khi chính thức xuất khẩu, trang bị thiết bị sản xuất của Công ty gồm 01 (một) tủ đông gió, 01 (một) tủ đông tiếp xúc, 01 (một) máy nước đá vảy và nhà máy sản xuất nước đá cây. Các thiết bị đều được nhập khẩu mới 100% từ Nhật Bản.

Do phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như yêu cầu đa dạng hóa sản phẩm, việc đảm bảo tính kịp thời và tương ứng giữa công nghệ sản xuất và sản phẩm đã trở thành yếu tố ưu tiên hàng đầu cho mục tiêu mở rộng sản xuất. Từ năm 2004 để chuẩn bị điều kiện sản xuất cho các năm, tránh bị động khi sản lượng gia tăng, đáp ứng yêu cầu cho việc phát triển mặt hàng mới đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng, Công ty đã đầu tư mới 100% thiết bị cấp đông IQF loại siêu tốc, xuất xứ Nhật Bản với công suất 250 kg/giờ, đầu tư xây dựng kho trữ thành phẩm 200 tấn, mở rộng phân xưởng sản xuất hàng giá trị gia tăng, xây dựng tiếp một nhà máy sản xuất nước đá, đồng thời nhập nguyên liệu từ nước ngoài về để đảm bảo đủ nguyên liệu sản xuất các loại mặt hàng mới. Năm 2015, Công ty đầu tư xây dựng tăng cường thêm một kho lạnh hiện đại với lượng dự trữ 200 tấn phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng sản xuất.



Năm 2008, khi xây dựng nhà máy bột cá, Công ty đã nhập khẩu mới 100% dây chuyền máy sấy bột cá từ Thái Lan với công suất 90 tấn/ngày. Trước nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, Công ty đã nhập tiếp dây chuyền máy sấy bột cá từ Thái Lan với công suất 60 tấn/ ngày để tăng sản lượng, hoàn thành lắp đặt và đi vào hoạt động vào tháng 07/2010.



Với đặc thù hoạt động là chế biến thủy sản đông lạnh, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất đòi hỏi phải có con người sử dụng và bảo trì máy móc thiết bị trong điều kiện ẩm và lạnh. Do vậy Công ty chú trọng việc đào tạo con người sử dụng máy móc thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật và định kỳ bảo dưỡng nhằm sử dụng hiệu quả công nghệ, giảm thiểu rủi ro đình trệ sản xuất do hư hỏng máy móc thiết bị. Bên cạnh đó, Công ty luôn trao đổi, kết hợp chặt chẽ với khách hàng, nắm bắt kịp thời các thông tin về trình độ công nghệ đáp ứng nhu cầu sản phẩm trên thị trường.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Các sản phẩm của Công ty luôn tuân thủ theo một quy trình sản xuất nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn HACCP. Bên cạnh đó, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục để đánh giá chứng nhận các chứng chỉ về quản lý như ISO 9001:2015; ISO 22000:2009; ISO 14001: 2015 và OHSAS 18001:2009.

Đối với nguyên liệu đầu vào, việc tổ chức quản lý và mã hóa đối với từng lô nguyên liệu

vào được Công ty thực hiện chặt chẽ, đảm bảo việc truy xuất khi có vấn đề. Bên cạnh đó, nguyên liệu thường xuyên được kiểm tra bởi Phòng kiểm nghiệm kháng sinh nhằm kiểm soát các lô nguyên liệu bị nhiễm kháng sinh, hóa chất...



Trong quá trình sản xuất, chuyên viên của Phòng Kiểm nghiệm Công ty kiểm tra hàng ngày các điều kiện sản xuất như: vệ sinh công nhân, vệ sinh công cụ dụng cụ, vệ sinh tại khu chế biến, nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm trên dây chuyền chế biến,... nhằm kịp thời phát hiện các nguy cơ làm hàng hóa bị nhiễm vi sinh.



Trên từng công đoạn chế biến là đội ngũ QC (Quality Control) kiểm soát việc sản xuất đúng yêu cầu của sản phẩm và yêu cầu của khách hàng, kiểm soát điều kiện vệ sinh công nhân khi tham gia sản xuất... Các tiêu chuẩn kiểm tra được xây dựng theo các chỉ tiêu của các khách hàng theo từng thị trường và Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad).



5.7. Hoạt động Marketing

Cốt lõi chiến lược Marketing của Công ty là ngay từ chất lượng sản phẩm. Ban Lãnh đạo Công ty luôn xác định sản phẩm mang thương hiệu KIHUSEA VN phải là sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng. Chính vì lẽ đó, Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp đưa ra các biện pháp cải tiến hơn nữa chất lượng sản phẩm, hình thành ý thức về tầm quan trọng của chất lượng sản phẩm cho cán bộ công nhân viên, từ đó trở thành hành động thiết thực với mục tiêu cốt lõi là sản phẩm “An toàn, chất lượng, năng động” mà Công ty đã xác định là đặc thù của sản phẩm KIHUSEA VN. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên mời khách hàng đến tham quan Công ty, giới thiệu các sản phẩm mới để mở rộng đầu ra và đa dạng hóa sản phẩm của Công ty trên thị trường.

Song song với các hoạt động bên trong, Công ty tham gia các hội chợ quảng bá thương hiệu, thiết kế các brochure giới thiệu sản phẩm, quảng bá trên các phương tiện truyền thông. Công ty xây dựng website giới thiệu sản phẩm và là cầu nối của cổ đông với hoạt động của Công ty.

5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo Công ty:



Ý nghĩa logo:

Hình chiếu đứng của hình chóp tứ giác đều, mang ý nghĩa vĩnh cửu như kim tự tháp.

Màu đỏ: Màu của thắng lợi, thành công, và cũng là sự an toàn cho sản phẩm được đặt lên hàng đầu.

Màu trắng: Thể hiện sự trong sạch của sản phẩm, sự minh bạch và đoàn kết nội bộ của tổ chức.

Màu xanh nước biển: Nền tảng vững chắc, là niềm tin và sự năng động của nước. Chữ "Kihusea VN" màu đỏ nổi bật trong màu xanh thể hiện quan điểm đó của Công ty.

- **Nhãn hiệu hàng hóa của Bột cá Kiên Hùng:**



Ý nghĩa:

Kihu: Viết tắt chữ Kiên Hùng.

Fish: Nguyên liệu sản xuất ra Bột cá.

VN: Viết tắt tên nước Việt Nam.

Nhãn hiệu BỘT CÁ KIÊN HÙNG VIỆT NAM này được xây dựng theo quan điểm hiện đại, vừa là tên tổ chức (Kihu) vừa là thương hiệu của sản phẩm Bột cá (fish). Kihufish vn được đặt trên nền tảng đó là sự an toàn (safety) – An toàn là nền tảng mang nghĩa rộng không chỉ là sản phẩm an toàn mà còn là an toàn của tổ chức, an toàn trong hợp tác cho các đối tác khi sử dụng Bột cá Kihufish và an toàn cho xã hội nói chung.

5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 11: Một số các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên đối tác	Giá trị Hợp đồng (VND/USD)	Nội dung Hợp đồng/sản phẩm cung cấp	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	ANUSORN	775.200 USD	Bột cá	Tháng 11/2017	Tháng 01/2018
2	ITOCHU	537.000 USD	Bột cá	Tháng 11/2017	Tháng 01/2018
3	PROGRESS	418.500 USD	Mực nang cào tằm	Tháng 06/2017	Tháng 08/2017
4	PROGRESS	270.800 USD	Mực nang cào tằm	Tháng 09/2017	Tháng 10/2017
5	SANPO	164.569,46 USD	Mực nang, mực ống	Tháng 08/2017	Tháng 08/2017
6	MITSUBISHI	150.900 USD	Mực nang fillet	Tháng 08/2017	Tháng 09/2017
7	EUROMEX	124.480 USD	Cá các loại	Tháng 08/2017	Tháng 08/2017
8	TONG WEI	14.000.000.000 VND	Bột cá	Tháng 10/2017	Tháng 12/2017
9	GREENFEED	12.500.000.000 VND	Bột cá	Tháng 11/2017	Tháng 01/2018
10	THĂNG LONG	6.900.000.000 VND	Bột cá	Tháng 10/2017	Tháng 11/2017

(Nguồn: CTCP Kiên Hùng)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/ giảm 2016/2015	9T/2017
Tổng tài sản	279.945.411.494	360.861.219.243	28,90	311.628.263.930
Vốn chủ sở hữu	93.224.557.372	114.266.189.633	22,57	162.631.840.602
Doanh thu thuần	613.758.527.466	718.675.969.132	17,09	588.646.611.241
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.691.120.715	29.677.629.082	36,82	32.940.028.989
Lợi nhuận khác	(131.398.236)	(1.075.049.973)	-	(19.309.872)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.559.722.479	28.602.579.109	32,67	32.920.719.117
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.550.931.228	28.554.762.633	32,50	32.920.719.117
Tỷ lệ LNST/ vốn chủ sở hữu bình quân (%) (*)	23,11	27,53	19,13	23,78
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	38,99	51,84	-	-

(*) Vốn chủ sở hữu bình quân đã được loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát

(Nguồn: BCTC riêng năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC riêng 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Theo BCTC riêng của CTCP Kiên Hùng, tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2016 là 360,86 tỷ đồng, tăng 28,90% so với thời điểm cuối năm 2015. Nguyên nhân là do Công ty mẹ tăng cường nhập nguyên liệu để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chi đầu tư cho việc xây dựng nhà máy. Tổng tài sản tại thời điểm 30/09/2017 là 311,63 tỷ đồng, giảm 13,64% so với thời điểm cuối năm 2016. Nguyên nhân là do khoản mục hàng tồn kho giảm xuống (vào thời điểm này Công ty đang thực hiện xuất hàng bán, tuy nhiên thời điểm nhập hàng mạnh thường vào Quý IV), ngoài ra trong kỳ Công ty có thực hiện chi đầu tư xây dựng nhà máy và chi trả các khoản vay ngân hàng trước hạn dẫn đến khoản mục tiền giảm xuống.

Trong cơ cấu tổng tài sản thời điểm 30/09/2017, tài sản ngắn hạn là: 161,23 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 51,74% tổng tài sản, phần còn lại là tài sản dài hạn: 150,40 đồng (tương ứng 48,26% tổng tài sản).



Theo BCTC riêng CTCP Kiên Hùng, vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2016 là 114,27 tỷ đồng, tăng 22,57% so với thời điểm cuối năm 2015. Nguyên nhân do trong năm 2016 Công ty có nhận sáp nhập Công ty CP Biển Xanh Kiên Giang, đồng thời phân lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên trong kỳ từ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2017 là 162,63 tỷ đồng, tăng 42,33% so với thời điểm cuối năm 2016. Nguyên nhân là do trong 09 tháng đầu năm 2017, Công ty mẹ có thực hiện phát hành thêm cổ phần để huy động vốn phục vụ cho đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 32,98 tỷ đồng, ngoài ra Công ty thu được phần thặng dư vốn cổ phần là 2,18 tỷ đồng.

Công ty có cơ cấu tài chính cân đối, vốn luân chuyển ròng trong kỳ là 42,03 tỷ đồng cho thấy tình hình tài chính lành mạnh. Công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối cao là 1,92 lần.

Như đã phân tích ở trên, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ vẫn có sự tăng trưởng trong thời gian qua. Doanh thu thuần theo BCTC riêng năm 2016 là 718,68 tỷ đồng, tăng 17,09% so với năm 2015. Doanh thu thuần 09 tháng đầu năm 2017 đạt 588,65 tỷ đồng, tăng 11,02% so với cùng kỳ năm 2016 (530,23 tỷ đồng). Đồng thời với việc không ngừng mở rộng đầu tư của Công ty, doanh thu thuần Công ty được kỳ vọng tiếp tục có những bước tăng trưởng trong thời gian tới.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh theo BCTC riêng của CTCP Kiên Hùng năm 2016 là 29,68 tỷ đồng, tăng 36,82% so với năm 2015. Lợi nhuận thuần trong 09 tháng đầu năm 2017 là 32,94 tỷ đồng, tăng 25,14% so với cùng kỳ năm 2016 (26,32 tỷ đồng). Hiện Công ty mẹ vẫn duy trì hiệu quả hoạt động khá tốt do đã đi vào hoạt động khá lâu công với thị trường ổn định.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo BCTC riêng năm 2016 là 28,56 tỷ đồng, tăng 32,50% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong 09 tháng đầu năm 2017 là 32,92 tỷ đồng, tăng 24,07% so với cùng kỳ năm 2016 (26,53 tỷ đồng). Nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh chính trong 09 tháng đầu năm 2017 (mảng chế biến thủy sản đông lạnh và bột cá) của Công ty mang lại hiệu quả và đạt được sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2016. Việc này cho thấy Công ty mẹ có nhiều tiềm năng tăng trưởng trong thời gian tới nếu tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi đã được định hướng.

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, 2016 và 09 tháng đầu năm 2017 – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng	
			giảm	9T/2017 2016/2015
Tổng tài sản	399.174.752.121	518.512.460.339	29,90	504.734.120.422



Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm 2016/2015	9T/2017
Vốn chủ sở hữu	142.431.575.337	156.420.669.166	9,82	190.329.500.027
Doanh thu thuần	842.042.787.699	904.386.735.452	7,40	789.929.282.959
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.861.579.146	29.864.898.349	(9,12)	18.687.502.756
Lợi nhuận khác	1.173.825.758	(584.926.894)	(149,83)	(223.423.747)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.035.404.904	29.279.971.455	(13,97)	18.464.079.009
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.026.613.653	29.206.790.487	(14,16)	18.463.899.009
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	28.804.666.469	28.887.296.837	0,29	25.547.740.862
LNST của cổ đông không kiểm soát	5.221.947.184	319.493.650	(93,88)	(7.083.841.853)
Tỷ lệ LNST/vốn chủ sở hữu bình quân (%) (*)	29,96	27,40	-	14,74
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	29,17	51,25	-	-

(*) Vốn chủ sở hữu bình quân đã được loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Theo BCTC hợp nhất CTCP Kiên Hùng, tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2016 là 518,51 tỷ đồng, tăng 29,90% so với thời điểm 31/12/2015. Nguyên nhân là thời điểm cuối năm 2016, Công ty tăng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hàng hóa làm lượng hàng tồn kho tăng lên, chi đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản dẫn đến chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng lên.

Tổng tài sản tại thời điểm 30/09/2017 là 505,16 tỷ đồng, giảm 2,58% so với cuối năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do hàng tồn kho Công ty biến động giảm vào thời điểm cuối Quý III (do Công ty xuất hàng bán), trong khi thời điểm nhập hàng mạnh thường rơi vào Quý IV.

Trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn là: 249,55 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 49,40% tổng tài sản, phần còn lại là tài sản dài hạn: 255,61 tỷ đồng (tương ứng 50,60% tổng tài sản).

Theo BCTC hợp nhất CTCP Kiên Hùng, vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2016 là 156,42 tỷ đồng, tăng 9,82% so với thời điểm cuối năm 2015. Nguyên nhân do trong năm 2016 Công ty có nhận sáp nhập Công ty CP Biển Xanh Kiên Giang, đồng thời phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên trong kỳ từ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2017 là 190,33 tỷ đồng, tăng 21,68% so với thời điểm



c cuối năm 2016. Nguyên nhân là do trong 09 tháng đầu năm 2017, Công ty mẹ có thực hiện phát hành thêm cổ phần để huy động vốn phục vụ cho đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng. Giá trị phát hành theo mệnh giá là 32,98 tỷ đồng, ngoài ra Công ty thu được phần thặng dư vốn cổ phần là 2,18 tỷ đồng.

Công ty có cơ cấu tài chính cân đối, vốn luân chuyển ròng trong kỳ là 22,58 tỷ đồng cho thấy tình hình tài chính lành mạnh. Công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối cao là 2,65 lần.

Như đã phân tích ở trên, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ có sự tăng trưởng trong thời gian qua. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2016 là 904,39 tỷ đồng, tăng 7,40% so với năm 2015. Doanh thu thuần 09 tháng đầu năm 2017 đạt 789,93 tỷ đồng, tăng 18,05% so với cùng kỳ năm 2016 (669,15 tỷ đồng). Đồng thời với việc không ngừng mở rộng đầu tư của Công ty, doanh thu Công ty được kỳ vọng tiếp tục có những bước tăng trưởng trong thời gian tới.

Hiện tại, tình hình nguồn cung nguyên liệu trên thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, đồng thời sự cạnh tranh về giá của các công ty lớn trên thế giới và các rào cản kỹ thuật tại các nước dựng lên khá nhiều.

Mặc dù Công ty mẹ đã hoạt động ổn định lâu năm, tuy nhiên công ty con - Công ty TNHH Thủy sản Aoki (Công ty Aoki) chỉ mới hoạt động khá ổn định thời gian gần đây nên hiệu quả hiện tại chưa phản ánh hết tiềm năng trong dài hạn của Công ty. Trong 09 tháng đầu năm 2017, doanh thu thuần Công ty Aoki đạt 210,83 tỷ đồng; trong khi giá vốn hàng bán là 203,86 tỷ đồng, chi phí bán hàng là 12,01 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 4,62 tỷ đồng, chi phí tài chính là 4,88 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán và chi phí cao khiến kết quả kinh doanh của Công ty Aoki trong 09 tháng đầu năm 2017 lỗ 14,46 tỷ đồng. Nguyên nhân do trong 09 tháng đầu năm 2017, Công ty Aoki có ngưng sản xuất trên 02 tháng để lắp đặt dây chuyền và vận hành thử dây chuyền mới tại nhà máy sản xuất surimi trực thuộc Công ty Aoki. Hiện tại nhà máy đã hoạt động trở lại bình thường. Ngoài ra, do mới gia nhập thị trường surimi, Công ty Aoki tiêu tốn nhiều chi phí mở rộng thị trường và định vị thương hiệu. Về lâu dài, hoạt động này sẽ mang lại sức mạnh cạnh tranh trên thị trường cho Công ty Aoki, góp phần hiệu quả vào kết quả kinh doanh của Công ty Aoki.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh theo BCTC hợp nhất của Công ty năm 2016 là 29,87 tỷ đồng, giảm 9,12% so với năm 2015. Lợi nhuận thuần trong 09 tháng đầu năm 2017 là 18,69 tỷ đồng, giảm 34,43% so với cùng kỳ năm 2016 (28,50 tỷ đồng). Nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh chính của công ty con (Công ty TNHH Thủy sản Aoki) trong kỳ bị lỗ như trên, dẫn đến kết quả hợp nhất bị giảm sút.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 là 29,21 tỷ đồng, giảm 14,16% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong 09 tháng đầu năm 2017 là 18,46 tỷ đồng, giảm 36,47% so với cùng kỳ năm 2016 (29,07 tỷ đồng). Mặc dù lợi nhuận hợp nhất bị giảm so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên kết quả đều nằm trong dự kiến của Ban lãnh đạo Công ty. Sau khi dây chuyền mới của công ty con (Công ty TNHH Thủy sản Aoki) đi vào hoạt động ổn định, dự kiến sẽ mang lại lợi nhuận và phản ánh được hiệu quả đầu tư trong thời gian vừa qua của toàn

Công ty.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

• Thuận lợi

- Được chính quyền địa phương khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Có nhiều đối tác trong và ngoài nước mong muốn hợp tác kinh doanh.
- Vùng biển Kiên Giang có nguồn lợi dồi dào, đặc biệt là cá biển.
- Đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn tốt và có tinh thần trách nhiệm trong công việc.
- Thương hiệu có uy tín, có nhiều khách hàng truyền thống gắn bó với Công ty.
- Dây chuyền công nghệ hiện đại, đáp ứng được nhu cầu sản xuất, có thể sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm.
- Có mối quan hệ tốt với nhà cung cấp.

• Khó khăn

- Tình hình chính trị - xã hội ở các nước luôn có biến động và mối đe dọa mới.
- Kinh tế thế giới đang hồi phục nhưng chưa ổn định và chứa nhiều rủi ro tiềm ẩn.
- Nguồn nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước giảm và không ổn định, nguồn nhập khẩu cũng có nhiều biến động.
- Sản xuất phụ thuộc vào mùa vụ, biến động môi trường ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trong ngành thủy sản, CTCP Kiên Hùng là một trong các doanh nghiệp sản xuất hàng thủy sản với trung bình giá trị xuất khẩu hàng năm của Công ty đạt trên 10 triệu USD. Tháng 12/2016, Công ty đã được vinh danh là một trong 45 doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2015 do Bộ Công Thương phê duyệt theo Quyết định số 4769/QĐ-BCT. Danh sách Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín được tổng hợp và công bố trên cơ sở xét chọn và đề xuất của các cơ quan hữu quan, được xét chọn trên cơ sở các tiêu chí do Bộ Công Thương quy định về mức kim ngạch xuất khẩu tối thiểu, về uy tín trong kinh doanh đối với bạn hàng nước ngoài, về việc chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực thuế....

Trong bối cảnh nguồn nguyên liệu khai thác ngày một khan hiếm, nguyên liệu mực là sản phẩm cốt lõi của Công ty không còn dồi dào như trước. Công ty đã đa dạng hóa danh mục sản phẩm và mở rộng thị trường mới. Từ các sản phẩm chủ lực chỉ bao gồm mực và vài loại cá biển. Công ty đã mở rộng danh mục hơn 100 mặt hàng bao gồm mực nang, mực ống, mực lá chế biến thành phẩm hàng thường các loại hàng Giá trị gia tăng xuất sang thị trường truyền thống Nhật Bản: các loại cá biển, cá nước ngọt, ghe, sò, ốc... Thị trường mở rộng từ Nhật, Canada, Đài Loan, Ai Cập... sang các nước EU, Mỹ... với hơn 20 khách hàng thuộc nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ. Chính

sự đa dạng hóa sản phẩm và thị trường kịp thời đã đảm bảo được đầu ra cho sản phẩm, cũng như mở rộng nguồn cung đầu vào, duy trì hoạt động sản xuất ổn định và ngày càng phát triển cho sản phẩm đông lạnh.

Trong khi nguồn lợi thủy sản đánh bắt đang dần trở nên khan hiếm thì bột cá chính là ngành có khả năng phát triển cao. Do vậy bên cạnh hàng thủy sản đông lạnh, hàng bột cá thuộc ngành Thức ăn chăn nuôi được Công ty đầu tư phát triển đã có được những thành công nhất định thông qua khả năng tiêu thụ bột cá Kiên Hùng trên thị trường kể từ khi thành lập đến nay. Sản phẩm bột cá là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản, nhu cầu trên thị trường rất lớn. Việc đẩy mạnh sản xuất bột cá đạt chất lượng, đảm bảo nhu cầu của khách hàng đã được Công ty quan tâm đầu tư, song song với xúc tiến tại thị trường xuất khẩu. Hiện tại Nhà máy bột cá Kiên Hùng đã đi vào hoạt động từ năm 2008 với thị trường tiêu thụ là nội địa, từ cuối năm 2009 đã bắt đầu xuất khẩu, được thị trường nước ngoài đánh giá tốt và nhiều đối tác nước ngoài quan tâm với tỷ lệ cam kết mua đến 100% sản phẩm bột cá do Công ty sản xuất. Từ tháng 07/2010, việc nâng thêm công suất nhà máy lên trên 1.000 tấn/năm giúp đẩy mạnh hoạt động sản xuất, nâng sản lượng xuất khẩu, từ đó kim ngạch xuất khẩu của Công ty sẽ còn tiếp tục tăng trưởng cao trong tương lai. Thêm vào đó, việc đầu tư xây dựng nhà máy bột cá đạ cao tại Linh Huỳnh đã góp phần mở thêm phân khúc thị trường mới cho sản phẩm bột cá. Hiện nay, tại địa phương, Công ty Kiên Hùng là doanh nghiệp đầu tiên vừa chế biến kinh doanh hàng thủy sản đông lạnh, vừa chế biến kinh doanh bột cá.

Hơn nữa, Công ty còn có lợi thế về nguồn cung cấp nguyên liệu do đã và đang xây dựng mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp đầu vào. Các sản phẩm của Công ty đa dạng hơn nên việc thu mua nguyên liệu đầu vào cũng đa dạng các loại mặt hàng, từ đó tạo được sự tin cậy cho các nhà cung cấp. Đối với nguyên liệu cho thủy sản đông lạnh, không dừng lại ở nguồn nguyên liệu trong nước, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty đã nhập khẩu trở lại nguyên liệu để tăng cường sản xuất hàng giá trị gia tăng từ năm 2016 và đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Trong tương lai, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện và mở rộng nhập khẩu nguyên liệu để đáp ứng nhu cầu sản xuất từ các thị trường như Indonesia, Malaysia, Bangladesh...

Những yếu tố trên đã tạo nên lợi thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh trong ngành. Thương hiệu KIHUSEA VN đã tạo được vị thế nhất định trong ngành thủy sản trong và ngoài nước.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam có vị trí và điều kiện tự nhiên phù hợp cho hoạt động thủy sản. Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3,260 km, cùng hệ thống sông ngòi, kênh rạch, Việt Nam hầu như đáp ứng khá tốt điều kiện đánh bắt, nuôi trồng cho nhiều loài thủy hải sản trên toàn quốc.

Ngành thủy sản là một trong những ngành mũi nhọn luôn được sự quan tâm và hỗ trợ của Chính phủ với Quyết định số 332/QĐ-TTg của Thủ tướng đặt mục tiêu phát triển dài hạn cho ngành thủy sản Việt Nam và Nghị định 36/2014/NĐ-CP về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra, theo đó một số tiêu chuẩn về chất lượng cá tra sẽ được kiểm soát ở mức cao hơn thị trường



đang tiêu thụ với mong muốn nâng hình ảnh sản phẩm cá tra trên thế giới, đồng thời quy hoạch tốt hơn về nuôi trồng về cả số lượng lẫn chất lượng.

Cơ hội cho ngành thủy sản đi cùng tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam. Với các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã và sắp ký kết, tiêu biểu như FTA Việt Nam; Liên minh kinh tế Á-Âu, FTA Việt Nam và Hàn Quốc; các hiệp định quan trọng như FTA Việt Nam – EU sẽ giúp Việt Nam tăng lợi thế khi xuất khẩu thủy sản sang những thị trường chủ lực như Mỹ, Nhật, Châu Âu, Nga với thuế suất 0%.

Xét về xu hướng toàn cầu, ngành nuôi trồng thủy sản có nhiều tiềm năng. Về dài hạn, theo đánh giá của liên hợp quốc, dân số thế giới dự kiến đạt 9,2 tỷ người vào năm 2050. Hoạt động sản xuất thực phẩm cần tăng thêm 60% vào năm 2030 để đáp ứng đủ cho lượng người ăn ngày càng tăng. Trong đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng lên 62% năm 2030.

Nuôi trồng thủy sản được chứng minh là xu hướng sản xuất bền vững hơn cho tương lai. Xét trong ngành nuôi trồng thì nuôi cá lại bền vững hơn nhiều so với các ngành chăn nuôi khác. Một trong những ví dụ về tính bền vững của cá so với các loại thịt khác là mức độ tiêu hao một số nguồn lợi tự nhiên để sản xuất ra một kg cá thấp hơn nhiều so với các tiêu hao để có được một kg thịt.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam có khá nhiều Công ty đang hoạt động trong ngành thủy sản. Các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp (CTCP Vĩnh Hoàn – VHC, CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang – ACL, CTCP Thủy sản Bạc Liêu – BLF, CTCP Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền– NGC), được so sánh với CTCP Kiên Hùng - KHS theo bảng dưới đây:

Bảng 14: So sánh về tình hình tài chính và hoạt động các doanh nghiệp trong cùng ngành

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	VHC	ACL	BLF	NGC	KHS
Tổng tài sản	4.450.872.945.686	1.185.062.703.460	616.115.985.031	104.190.216.354	518.512.460.339
Vốn chủ sở hữu	2.393.113.643.776	352.384.217.550	139.875.626.332	22.707.395.659	156.420.669.166
Vốn điều lệ	924.039.430.000	227.996.750.000	105.000.000.000	19.999.440.000	74.020.000.000
DTT hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.303.546.199.566	1.289.474.020.241	647.926.913.454	222.216.336.494	904.386.735.452
Doanh thu tài chính	86.738.581.629	7.597.554.739	5.539.576.990	677.241.453	4.008.188.002



Chỉ tiêu	VHC	ACL	BLF	NGC	KHS
Lợi nhuận khác	(7.135.269.124)	(1.783.579.112)	(1.370.521.025)	(3.399.976)	(584.926.894)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	672.433.464.833	24.006.227.447	4.996.234.994	2.619.549.821	29.279.971.455
LNST hợp nhất	565.438.236.103	23.502.703.307	4.996.234.994	3.119.022.922	29.206.790.487
ROE (LNST công ty mẹ/Vốn chủ sở hữu bình quân) (%) (*)	25,39	7,20	4,43	13,87	27,40

(*) Vốn chủ sở hữu bình quân đã được loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 các Công ty)

Nhìn vào số liệu ở bảng trên, có thể thấy so với các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, CTCP Kiên Hùng hoạt động khá hiệu quả với lợi nhuận sau thuế tương đối cao và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) trong năm 2016 là 27,40%.

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/08/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tổng sản lượng thủy sản 7 triệu tấn. Trong đó: sản lượng khai thác thủy sản chiếm 35%; sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm 65%; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 11 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7 - 8%/năm (giai đoạn 2011 - 2020); tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng xuất khẩu đạt 50%. 50% số lao động thủy sản được đào tạo, tập huấn; thu nhập bình quân đầu người của lao động cao gấp 03 lần hiện nay; giảm tổn thất sau thu hoạch sản phẩm khai thác hải sản từ trên 20% hiện nay xuống dưới 10%.

Định hướng đến năm 2030 ngành thủy sản được hiện đại hóa, tổng sản lượng đạt 9 triệu tấn. Trong đó: sản lượng khai thác thủy sản chiếm 30%; sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm 70%. Giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 20 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6 - 7%/năm (giai đoạn 2020 - 2030); tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng xuất khẩu đạt 60%; 80% số lao động thủy sản được đào tạo, tập huấn.

Giữ vững và phát triển các thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và phát triển các thị trường tiềm năng khác. Hình thành một số trung tâm phân phối, các đại lý, văn phòng đại diện, gắn với quảng bá, giới thiệu sản phẩm thủy sản Việt Nam tại các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU, nhằm kết nối thị trường, giảm khâu trung gian, đưa thông tin chính xác, đầy đủ về sản phẩm thủy sản Việt Nam đến người tiêu dùng. Đồng thời cung cấp kịp thời thông tin về thị trường, chính sách,

pháp luật của nước sở tại cho các cơ quan quản lý, nghiên cứu và doanh nghiệp.

Định hướng phát triển của Công ty trong đó tập trung đẩy mạnh hoạt động chế biến và xuất khẩu thủy sản hoàn toàn phù hợp với chính sách và định hướng phát triển của Nhà nước.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của CTCP Kiên Hùng thời điểm 30/09/2017 là 418 người.

Bảng 15: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2017

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ		
1. Trình độ đại học và cao đẳng trở lên	48	11,48
2. Trình độ trung cấp	31	7,42
3. Đã đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	9	2,15
4. Lao động nghề	330	78,95
II. Phân theo tính chất lao động		
1. Lao động gián tiếp	49	11,72
2. Lao động trực tiếp	369	88,28
III. Phân theo giới tính		
1. Lao động nam	197	47,13
2. Lao động nữ	221	52,87

(Nguồn: CTCP Kiên Hùng)

8.2. Chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ tiến độ làm việc Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo đúng quy định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/tuần đối với nhân viên văn phòng. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất và các cán bộ quản lý tại Phân xưởng làm việc theo ca sản xuất và nhu cầu công việc.

Công ty thực hiện đúng chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo quy định.

Luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp để CBCNV an tâm và tin tưởng hơn với Công

ty, đời sống được cải thiện, tiền cơm trưa, bồi dưỡng độc hại, tiền thưởng tết, trang bị đồng phục, tặng quà cho CBCNV nhân dịp 8/3, và các ngày lễ lớn: 30/4, 01/05, 2/9, ..., đời sống vật chất, đời sống tinh thần được chăm lo từng bước, thu nhập công nhân tăng tăng theo hiệu quả kinh doanh. Hàng năm có tổ chức nghỉ mát cho gia đình và CBCNV tham gia.

Thông qua Hội nghị người lao động, phát động phong trào thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Ban Tổng Giám đốc đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ quy định theo thỏa ước lao động tập thể ký kết với người lao động, mỗi năm đều có tổ chức Hội nghị người lao động để điều chỉnh kịp thời, phù hợp các chính sách.

Thực hiện tốt chế độ chính sách với người lao động, chăm lo sức khỏe người lao động thông qua việc khám chữa bệnh định kỳ hàng năm, mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động để người lao động có thể an tâm công tác.

9.2.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, bảo hiểm xã hội

Nguồn nhân lực là một tài nguyên quý giá, là động lực phát triển và yếu tố quyết định năng suất và chất lượng lao động của hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo nhân sự là công tác luôn được Công ty chú trọng thực hiện. Đối với người lao động mới gia nhập tại Công ty, bộ phận chuyên trách của nhân sự có nhiệm vụ đào tạo tại chỗ, tạo điều kiện cho nhân sự mới hòa nhập vào tập thể và hoàn thành công việc được giao, giải quyết trong ngắn hạn. Song song đó, Công ty còn mời các Trường đào tạo về đào tạo cho đội ngũ công nhân tại Công ty như: đào tạo tay nghề chế biến thủy sản do Trường Trung cấp dạy nghề tỉnh Kiên Giang đào tạo, Lớp điều hành phân xưởng từ Quản đốc đến Tổ trưởng các bộ phận do Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Tôn Đức Thắng đào tạo... Về chiến lược dài hạn, Công ty tổ chức tuyển chọn nhân sự đưa đi tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ như: HACCP, Tập huấn áp dụng hệ thống QLCL ISO 22000: 2005, Kiểm toán, Phương pháp kiểm vi sinh, kháng sinh, Quản lý phòng kiểm nghiệm, Lớp bồi dưỡng nâng cấp năng lực quản lý của nhân viên cấp trung gian... do các đơn vị như Nafiqaved, Vassep, VCCI, ... tổ chức đào tạo.

Lương được trả hàng tháng. Các đơn vị sản xuất thuộc Phân xưởng của Công ty hưởng lương theo quy chế khoán theo sản phẩm, căn cứ vào năng suất, chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí. Đối với cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, lực lượng lao động gián tiếp lương được trả theo thời gian lao động, hệ số và mức độ hoàn thành công việc.

Bên cạnh tiền lương, lực lượng công nhân còn được hưởng các phụ cấp như: phụ cấp nhà trọ, đi lại, phụ cấp ăn trưa... Đối với cán bộ quản lý và nhân viên văn phòng được cấp phụ cấp ăn trưa và trang phục công sở.

Bên cạnh đó, Công ty xây dựng chế độ xét thưởng như: khen thưởng cuối năm, khen thưởng công nhân đảm bảo ngày công trong tháng, khen thưởng các Điều hành tổ đội quản lý tích cực hoàn thành nhiệm vụ trong tháng, khen thưởng các tổ đội tăng năng suất, bảo đảm ngày giờ công trong tháng, hoàn thành tốt công việc sản xuất đúng quy trình kỹ thuật...

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động trong Công ty, chế độ nghỉ phép được trả vào lương hàng tháng cho người lao động.

Mức thu nhập bình quân của công nhân viên trong Công ty năm 2016 đạt 5,95 triệu đồng/tháng/người, trong năm 2017 dự kiến đạt khoảng 6 triệu đồng/tháng/người.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Theo Quy chế tuyển dụng và đào tạo của Công ty.

Tiền lương, tiền thưởng: Theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty nhưng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, quyền và lợi ích của người lao động.

Các chế độ làm thêm giờ, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, ốm đau, thai sản: Theo tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều kiện làm việc của người lao động: Theo tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động, phù hợp quy định pháp luật.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định pháp luật.

Tất cả người lao động của Công ty đều được ký hợp đồng lao động và đóng Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước.

9. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Trong khi thanh toán số cổ tức đã định. Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CTCP Kiên Hùng có kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông như sau:

Bảng 16: Chính sách chi trả cổ tức giai đoạn 2015 – 2019

Chỉ tiêu	2015 (Thực hiện)	2016 (Thực hiện)	2017 (Dự kiến)	2018 (Dự kiến)	2019 (Dự kiến)
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	15%	20%	8-15%	8-15%	8-15%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	50% tiền mặt – 50% cổ phiếu	50% tiền mặt – 50% cổ phiếu	50% tiền mặt – 50% cổ phiếu
Tình hình chi trả	Đã chi trả	Đã chi trả	Chưa chi trả	Chưa chi trả	Chưa chi trả

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016, 2017 của CTCP Kiên Hùng)

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có

liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Bảng 17: Thời gian khấu hao TSCĐ

STT	Danh mục khấu hao	Thời gian khấu hao (số năm)
1	Nhà cửa vật kiến trúc	18 – 50
2	Phương tiện vận tải	06 - 10
3	Máy móc thiết bị	07 – 20
4	Thiết bị văn phòng	05 – 06
5	Cây lâu năm	02 – 08
6	Tài sản cố định khác	06 - 20

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán của CTCP Kiên Hùng)

10.2. Mức lương bình quân

Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước và chính sách tiền lương của Công ty. Tiền lương và tiền thưởng được trả cho người lao động căn cứ trên hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương của Công ty nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, không ngừng nâng cao năng suất lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động Công ty giai đoạn 2014 – 2017:

- Năm 2014, mức lương bình quân toàn Công ty đạt: 4.500.000 đồng/người/tháng;
- Năm 2015, mức lương bình quân toàn Công ty đạt: 5.200.000 đồng/người/tháng;
- Năm 2016, mức lương bình quân toàn Công ty đạt: 5.950.000 đồng/người/tháng.
- Năm 2017, mức lương bình quân toàn Công ty dự kiến đạt khoảng: 6.000.000 đồng/người/tháng.

10.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn theo dõi và thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho các nhà cung cấp và đối tác các khoản nợ đến hạn. Hiện tại, Công ty không có bất cứ khoản nợ nào đến hạn hoặc quá hạn.

10.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Thực hiện theo chủ trương của HĐQT, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

Bảng 18: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.864.247	91.839.943	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	87.332.563	55.265.016	116.741.391
6	Thuế tài nguyên	8.331.640	4.196.040	8.685.200
7	Thuế khác	4.322.500	6.442.240	-
Tổng cộng		202.850.950	157.743.239	125.426.591

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

10.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ của Công ty. Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, tình hình trích lập các quỹ của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/09/2017 như sau:

Bảng 19: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	484.867.084	1.001.880.047	1.352.002.375
2	Quỹ đầu tư phát triển	14.801.201.617	11.691.427.000	20.527.879.985
3	Quỹ khác của doanh nghiệp	852.424.527	-	-
Tổng cộng		16.138.493.228	12.693.307.047	21.879.882.360

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

10.6. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 30/09/2017, tổng vay và nợ thuê tài chính của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán là 251.654.782.076 đồng, trong đó vay ngắn hạn là 164.864.082.265 đồng, vay dài hạn là 86.790.699.811 đồng. Công ty không có bất cứ khoản nợ quá hạn nào.

Bảng 20: Chi tiết số dư các khoản vay

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
I	Vay ngắn hạn	181.940.789.712	251.360.007.646	164.864.082.265
1	NH Ngoại thương Việt Nam – CN Kiên Giang	33.486.814.216	66.865.930.478	39.713.344.217
2	NH Công thương Việt Nam – CN Kiên Giang	102.929.936.496	123.579.008.168	54.744.860.286
3	NH Ngoại thương Việt Nam – CN Kiên Giang	34.254.039.000	60.915.069.000	70.405.877.762
4	Công ty Neptune S.A.S	11.270.000.000	-	-
II	Vay dài hạn	51.955.009.336	61.827.791.336	86.790.699.811
1	NH Ngoại thương Việt Nam – CN Kiên Giang	19.800.000.000	14.104.140.000	6.153.365.250
2	NH Công thương Việt Nam – CN Kiên Giang	7.155.284.609	5.998.584.609	6.551.885.529
3	Ngân hàng Phương Đông	-	2.911.000.000	1.939.000.000
4	Trần Duy Đức	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
5	Lâm Thị Hương Trinh	2.800.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
6	Đỗ Thị Cẩm Hương	-	11.100.000.000	11.100.000.000
7	NH Ngoại thương Việt Nam – CN Kiên Giang	19.999.724.727	24.314.066.727	57.646.449.032
	Tổng cộng	233.895.799.048	313.187.798.982	251.654.782.076

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào phải thanh toán. Giai đoạn 2015 - 2016, tỉ lệ tổng nợ vay trên tổng tài sản của Công ty duy trì ở mức khoản 60%, tuy nhiên tại thời điểm 30/09/2017 tỉ lệ này đã giảm xuống chỉ chiếm xấp xỉ 50% tổng tài sản, đây là một điểm sáng trong bức tranh an toàn tài chính của Công ty.

10.7. Tình hình hàng tồn kho

Bảng 21: Chi tiết hàng tồn kho

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Nguyên liệu, vật liệu	2.973.642.448	56.215.519.540	39.282.389.448
2	Công cụ, dụng cụ	2.658.468.467	2.897.164.116	3.460.271.720
3	Chi phí SXKD dở dang	-	1.251.856.088	1.429.467.286
4	Thành phẩm	91.909.052.540	131.316.522.259	93.710.716.921
	Tổng cộng	97.541.163.455	191.681.062.003	137.882.845.375

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Tính đến 30/09/2017, khoản mục hàng tồn kho của Công ty là 137.882.845.375 đồng, chiếm tỉ lệ 27,32% tổng tài sản. Hàng tồn kho Công ty biến động giảm chủ yếu do khoản mục thành phẩm và nguyên vật liệu biến động giảm trong 09 tháng đầu năm 2017, lần lượt giảm 37,61 tỷ đồng và 16,93 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm 2017. Thời điểm này Công ty đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa, trong khi thời điểm nhập hàng mạnh của Công ty thường rơi vào Quý IV, do đó hàng tồn kho biến động giảm là hoàn toàn phù hợp.

Trong cơ cấu hàng tồn kho Công ty thời điểm 30/09/2017, thành phẩm và nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt là: 67,96% và 28,49%. Còn lại là công cụ dụng cụ và chi phí SXKD dở dang chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, lần lượt là: 2,51% và 1,04%.

Công ty không trích dự phòng giảm giá do hàng hoá thành phẩm nhập kho đã có đơn đặt hàng theo hợp đồng đặt mua, giá bán lớn hơn giá vốn. Hiện thời gian lưu kho bình quân hàng hóa Công ty là trong vòng 2 – 3 tháng, tốc độ hàng được xuất bán khá nhanh.

10.8. Tình hình công nợ

10.8.1. Các khoản phải thu

Bảng 22: Chi tiết khoản phải thu

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	77.450.103.967	74.148.603.464	83.876.927.739
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	59.778.604.198	44.963.842.388	68.025.030.216
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.156.381.670	14.303.140.108	6.294.041.000
3	Phải thu ngắn hạn khác	11.515.118.099	14.881.620.968	9.557.856.523
4	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-



TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	77.450.103.967	74.148.603.464	83.876.927.739

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Các khoản phải thu ngắn hạn thời điểm 31/12/2016 là 74,15 tỷ đồng, giảm 4,26% so với thời điểm cuối năm 2015, chủ yếu do các khoản phải thu về hoạt động bán hàng được thu hồi trong năm tài chính.

Các khoản phải thu ngắn hạn thời điểm 30/09/2017 là 83,88 tỷ đồng, tăng 13,12% so với thời điểm cuối năm 2016, chiếm tỷ lệ 16,62% tổng tài sản doanh nghiệp. Các khoản phải thu tăng lên do Công ty phát sinh các hoạt động bán hàng trong 09 tháng đầu năm. Công ty có chính sách công nợ khá linh hoạt giúp giữ vững sức cạnh tranh của doanh nghiệp và phục vụ chiến lược phát triển hệ khách hàng mới cho công ty.

Trong cơ cấu khoản phải thu ngắn hạn thời điểm 30/09/2017, khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ lệ 81,10%, khoản trả trước ngắn hạn cho người bán chiếm tỷ lệ 7,50%, còn lại là khoản phải thu ngắn hạn khác chiếm tỷ lệ 11,40%.

Công ty không phát sinh các khoản phải thu dài hạn.

10.8.2. Các khoản phải trả

Bảng 23: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
I	Các khoản phải trả ngắn hạn	199.829.863.891	299.611.769.276	226.961.690.023
1	Phải trả người bán ngắn hạn	14.529.064.926	33.315.781.645	42.150.406.552
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	902.112.060	126.122.060	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	202.850.950	157.743.239	125.426.591
4	Phải trả người lao động	5.498.867.995	5.671.099.749	8.974.316.489
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.048.424.900	1.209.506.383	(271.040.336)
6	Phải trả ngắn hạn khác	618.686.264	6.769.628.507	6.407.496.087
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	176.544.989.712	251.360.007.646	164.864.082.265
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	3.359.000.000



TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	484.867.084	1.001.880.047	1.352.002.375
II	Các khoản phải trả dài hạn	56.913.312.893	62.480.021.897	87.442.930.372
1	Phải trả người bán dài hạn	-	-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	56.162.009.336	61.827.791.336	86.790.699.811
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	751.303.557	652.230.561	652.230.561
	Tổng cộng	256.743.176.784	362.091.791.173	314.404.620.395

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Tổng các khoản phải trả thời điểm 31/12/2016 là 362,09 tỷ đồng, tăng 41,03% so với thời điểm cuối năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2016 Công ty tăng sử dụng hạn mức được cấp tại các ngân hàng để tài trợ cho vốn lưu động tăng lên trong kỳ. BCTC cho thấy khoản nợ vay ngắn hạn tăng lên đối ứng với hàng tồn kho tăng lên trong năm.

Tổng các khoản phải trả thời điểm 30/09/2017 là 314,41 tỷ đồng, giảm 13,17% so với thời điểm cuối năm 2016. Nguyên nhân là do trong kỳ Công ty có phát hành thêm cổ phần và sử dụng một phần vốn phát hành để thanh toán nợ vay ngắn hạn. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá của Công ty là 32,98 tỷ đồng, ngoài ra Công ty thu được phần thặng dư vốn cổ phần là 2,18 tỷ đồng

Hệ số nợ của Công ty do đó giảm từ 0,70 lần vào cuối năm 2016 xuống còn 0,62 lần vào 30/09/2017.

Trong cơ cấu các khoản phải trả của Công ty, các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn và khoản phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt là 32,66%, 17,20% và 8,35% tổng tài sản. Việc này cho thấy khả năng huy động vốn của Công ty còn phụ thuộc khá nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty có quan hệ khá tốt, lâu năm và uy tín với các ngân hàng thương mại tại địa bàn Kiên Giang.

Các khoản phải người lao động, các khoản phải trả ngắn hạn khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, lần lượt là 1,78% và 1,27% tổng tài sản. Các khoản mục khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

10.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bảng 24: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Mua sắm	-	-	-

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
2	Xây dựng cơ bản	891.422.536	10.013.658.229	19.629.233.696
	+ Nhà văn phòng làm việc	77.734.048	77.734.048	-
	+ Dự án 32 ha Linh Huỳnh + mở rộng Aoki	269.188.488	7.277.158.137	7.277.158.137
	+ Cải tạo hệ thống xử lý nước thải	-	644.451.727	-
	+ Hệ thống máy móc ở Aoki	544.500.000	1.941.587.044	2.180.361.406
	+ Thiết kế dự án Khu công nghiệp Thanh Lộc	-	72.727.273	10.171.714.153
3	Sửa chữa	53.998.297	-	-
	Tổng cộng	945.420.833	10.013.658.229	19.629.233.696

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên tục tăng qua các năm 2016 và 2017, đạt 19,63 tỷ đồng vào 30/09/2017 (tương ứng tăng 96,02% so với thời điểm cuối năm 2016). Nguyên nhân là do Công ty tập trung đầu tư vào việc xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh, cải tạo hệ thống xử lý nước thải phù hợp với tiêu chuẩn môi trường và đầu tư thêm hệ thống máy móc Nhà máy surimi. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang hiện chiếm tỷ lệ 3,89% tổng tài sản doanh nghiệp. Dự kiến Công ty sẽ hoàn tất việc đầu tư xây dựng cơ bản và đưa Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh đi vào hoạt động vào Quý III/2018.

10.10. Chi phí trả trước

Bảng 25: Chi phí trả trước

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	1.612.001.632	1.513.099.910	2.108.505.832
2	Chi phí trả trước dài hạn	4.189.042.622	5.650.417.746	6.339.821.199
	Tổng	5.801.044.254	7.163.517.656	8.448.327.031

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Theo BCTC hợp nhất CTCP Kiên Hùng, chi phí trả trước ngắn hạn thời điểm 31/12/2016 là 1,51 tỷ đồng, giảm 6,14% so với thời điểm cuối năm 2015. Chi phí trả trước ngắn hạn thời điểm

30/09/2017 là 2,11 tỷ đồng, tăng 39,35% so với 31/12/2016 và chiếm tỷ lệ 0,42% tổng tài sản doanh nghiệp. Đây là các khoản công cụ dụng cụ được phân bổ trong 01 (một) chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Chi phí trả trước dài hạn thời điểm 31/12/2016 là 5,65 tỷ đồng, tăng 34,89% so với thời điểm cuối năm 2015. Chi phí trả trước dài hạn thời điểm 30/09/2017 là 6,34 tỷ đồng, tăng 12,20% so với 31/12/2016 và chiếm tỷ lệ 1,26% tổng tài sản doanh nghiệp. Đây là các khoản công cụ dụng cụ được phân bổ với thời gian trên 01 (một) năm, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn chiếm tỷ trọng khá nhỏ qua các năm.

10.11. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 26: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 2016 – 2017 - Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,96	1,03
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,47	0,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,64	0,70
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,80	2,31
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,72	5,68
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Vòng quay tổng tài sản)	Vòng	2,11	1,97
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/DTT	%	3,42	3,19
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) (*)	%	29,96	27,40
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	7,22	6,30
Hệ số LNHKD/DTT	%	3,90	3,30

(*) Vốn chủ sở hữu bình quân đã được loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán của CTCP Kiên Hùng)

11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người, cụ thể như sau:

Bảng 27: Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Độc lập/Điều hành/Không điều hành
1	Trần Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
2	Dương Công Trịnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
4	Huỳnh Công Luận	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Nguyễn Minh Giang	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
7	Lê Quốc Trung	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

(Nguồn: CTCP Kiên Hùng)

❖ Ông TRẦN QUỐC DŨNG – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **TRẦN QUỐC DŨNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/04/1964
- Nơi sinh: Rạch Giá, Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 198 Lâm Quang Ky, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
- Chứng minh thư nhân dân số: 370650222 Ngày cấp: 07/07/2017 Nơi cấp: CA Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không Di động: 0913 994 209
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 08/1986 đến tháng 03/1992	Công ty Thủy sản Rạch Giá – Kiên Giang	Trưởng Khối kinh doanh
Từ tháng 03/1992 đến tháng 06/1996	Kinh doanh thủy sản	
Từ tháng 09/1996 đến tháng 10/2000	Cơ sở thu mua, sơ chế thủy sản Kiên Hùng	Trưởng cơ sở
Từ tháng 10/2000 đến tháng 12/2009	Công ty TNHH Kiên Hùng	Giám đốc
Từ tháng 12/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **4.767.601** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **44,56%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:

- Sở hữu cá nhân: 2.665.560 cổ phần, tương đương với 24,91% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu của người có liên quan: 2.102.041 cổ phần, tương đương với 19,65% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Trong đó:

- + Ông Trần Quốc Hiếu (Em ruột ông Trần Quốc Dũng) nắm 23.259 cổ phần, tương đương với 0,22% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- + Ông Trần Duy Đức (Em ruột ông Trần Quốc Dũng) nắm 5.305 cổ phần, tương đương với 0,05% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- + Bà Lâm Thị Hương Mai (Vợ ông Trần Quốc Dũng) nắm 1.436.777 cổ phần, tương đương với 13,43% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- + Ông Trần Quốc Hùng (Con ông Trần Quốc Dũng) nắm 636.700 cổ phần, tương đương với 5,95% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Hội đồng quản trị.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ Ông DƯƠNG CÔNG TRỊNH – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: **DƯƠNG CÔNG TRỊNH**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 01/10/1967

4. Nơi sinh: Thái Bình

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 273 Châu Văn Liêm, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 371 228 588 Ngày cấp: 24/02/2017 Nơi cấp: CA Kiên Giang

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không Di động: 0913 994 091

9. Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị Kinh doanh, Đại học Cơ khí thủy sản

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thủy sản AOKI.

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 04/1993 đến tháng 01/1994	Công ty Thủy sản Kiên Giang	Nhân viên thu mua
Từ tháng 01/1994 đến tháng 01/1996	Công ty Thủy sản Kiên Giang	Nhân viên Phòng Kế hoạch
Từ tháng 10/1996 đến tháng 08/2007	Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang	Nhân viên Phòng Kế hoạch
Từ tháng 08/1997 đến tháng 04/1999	Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang	Phó phòng Kế hoạch
Từ tháng 04/1999 đến tháng 09/2000	Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang	Phó phòng Kỹ thuật
Từ tháng 09/2000 đến tháng 03/2002	Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang	Trưởng cửa hàng Thực phẩm thủy sản
Từ tháng 04/2002 đến tháng 08/2002	Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang	Phó phòng Kế hoạch
Từ tháng 09/2002 đến tháng 12/2009	Công ty TNHH Kiên Hùng	Phó Giám đốc
Từ tháng 12/2012 đến nay	Công ty TNHH Thủy sản AOKI	Tổng Giám đốc
Từ tháng 12/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết : **452.501** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **4,23%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể :

- Sở hữu cá nhân : 350.000 cổ phần, tương đương với 3,27% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu đại diện : 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu của người có liên quan : 102.501 cổ phần, tương đương với 0,96% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Trong đó:

- + Ông Dương Công Hiệu (Em ruột ông Dương Công Trịnh) nắm 30.000 cổ phần, tương đương với 0,28% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- + Bà Phạm Thị Sinh (Em dâu ông Dương Công Trịnh) nắm 2.501 cổ phần, tương đương với 0,02% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- + Ông Dương Nhật Huy (Con ông Dương Công Trịnh) nắm 70.000 cổ phần, tương đương với 0,65% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Hội đồng quản trị.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ Ông TRẦN QUỐC HÙNG - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: **TRẦN QUỐC HÙNG**

2. Giới tính: Nam.

3. Ngày sinh: 26/11/1989.

4. Nơi sinh: Rạch Giá, Kiên Giang

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 198 Lâm Quang Ky, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 371168241 Ngày cấp: 08/07/2003 Nơi cấp: CA Kiên Giang

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không

Di động: 0969 791 108

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 18/02/2016 đến 26/09/2016	Công ty TNHH Thủy sản AOKI	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 26/09/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		kiêm Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **5.089.037** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **47,56%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:

- Sở hữu cá nhân: 636.700 cổ phần, tương đương với 5,95% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu của người có liên quan: 4.452.337 cổ phần, tương đương với 41,61% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Trong đó:

- + Ông Trần Quốc Dũng (Bố ông Trần Quốc Hùng) nắm 2.665.560 cổ phần, tương đương với 24,91% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- + Bà Lâm Thị Hương Mai (Mẹ ông Trần Quốc Hùng) nắm 1.436.777 cổ phần, tương đương với 13,43% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- + Bà Nguyễn Thị Huyền Trang (Vợ ông Trần Quốc Hùng) nắm 350.000 cổ phần, tương đương với 3,27% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Hội đồng quản trị.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ Ông HUỖNH CÔNG LUẬN - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: **HUỖNH CÔNG LUẬN**

2. Giới tính: Nam.

3. Ngày sinh: 25/12/1967.

4. Nơi sinh: Thới Bình, Cà Mau

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: D1-16 Châu Văn Liêm, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 370715325 Ngày cấp: 26/11/2013 Nơi cấp: CA Kiên Giang

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không

Di động: 0939 979 499

9. Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Nhà máy bột cá - Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

12. Quá trình công tác



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 01/1987 đến tháng 12/1995	Công ty Nông hải sản Xuất khẩu Kiên Giang	Nhân viên phòng Kinh tế kế hoạch
Từ tháng 01/1996 đến tháng 12/2002	Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Kiên Giang	Kế toán trưởng Xí nghiệp An Hoà
Từ tháng 01/2003 đến tháng 09/2008	Công ty TNHH Kiên Hùng	Kế toán trưởng
Từ tháng 10/2008 đến tháng 12/2009	Công ty TNHH Bột Cá Kiên Hùng	Phó Giám đốc
Từ tháng 12/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Nhà máy Bột cá Kiên Hùng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **31.668** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **0,296%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:

- Sở hữu cá nhân: 31.668 cổ phần, tương đương với 0,296% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Hội đồng quản trị.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ Ông NGUYỄN NGỌC ANH - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC ANH**

2. Giới tính: Nam.

3. Ngày sinh: 31/10/1968.

4. Nơi sinh: Hải Hưng

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: B13 – 63 Nguyễn An Ninh, Phường Vĩnh Bảo. Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 371073641 Ngày cấp: 11/12/2013 Nơi cấp: CA Kiên Giang
8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: 02973 890084 Di động: 0913 994 802
9. Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Nhà máy đông lạnh – Công ty Cổ phần Kiên Hùng.
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 10/1986 đến tháng 11/1996	Cty CB Nông hải sản Kiên Giang	Nhân viên kế toán
Từ tháng 11/1996 đến tháng 06/1999	Công ty XNK thủy sản Kiên Giang	Phó phòng Kế toán
Từ tháng 06/1999 đến tháng 05/2004	Công ty XNK thủy sản Kiên Giang	Phó phòng Kinh doanh - Trưởng phòng Kinh doanh
Từ tháng 05/2004 đến tháng 10/2004	Công ty XNK thủy sản Kiên Giang	Phó Giám đốc Nhà máy CBTSXK Kiên Giang
Từ tháng 10/2004 đến tháng 12/2004	Công ty XNK thủy sản Kiên Giang	Trưởng Phòng tiếp thị
Từ tháng 01/2005 đến tháng 09/2013	Công ty CP Chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	Phó Giám đốc
Từ tháng 10/2013 đến tháng 12/2015	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Giám đốc Nhà máy Đông lạnh
Từ tháng 12/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Nhà máy Đông lạnh

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **115.600** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **1,08%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:
- Sở hữu cá nhân: 93.600 cổ phần, tương đương với 0,88% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
 - Sở hữu của người có liên quan: Ông Nguyễn Văn Thái (Anh rể ông Nguyễn Ngọc Anh) nắm 22.000 cổ phần, tương đương với 0,21% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Hội đồng quản trị.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ **Ông NGUYỄN MINH GIANG - Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: **NGUYỄN MINH GIANG**

2. Giới tính: Nam.

3. Ngày sinh: 28/11/1974.

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 204 nhà B1, Tập thể Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân số: 011891644 Ngày cấp: 24/06/2009 Nơi cấp: CA. Hà Nội

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không Di động: 0936205959

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 12/1995 đến tháng 09/2001	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh	Cán bộ Tín dụng
Từ tháng 10/2001 đến tháng 09/2003	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh	Phó Phòng Kinh doanh
Từ tháng 10/2003 đến tháng 06/2005	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh	Trưởng phòng Quản lý tiền gửi
Từ tháng 06/2005 đến tháng 04/2008	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh	Trưởng phòng Kế toán
Từ tháng 04/2008 đến tháng 06/2009	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Phó Giám đốc
Từ 01/07/2009 đến 24/03/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Từ 25/03/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 11/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **906.161** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **8,47%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu của tổ chức có liên quan: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (Ông Nguyễn Minh Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc) nắm 906.161 cổ phần, tương đương với 8,47% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Hội đồng quản trị.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ Ông LÊ QUỐC TRUNG - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: **LÊ QUỐC TRUNG**

2. Giới tính: Nam.

3. Ngày sinh: 10/3/1978

4. Nơi sinh: Hà Tĩnh.

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P5 Dãy 1 TT101 Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân số: 012103262 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 28/9/2011

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không Di động: 0916 979 779

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đối ngoại - Trường ĐH Ngoại Thương Hà Nội

10. Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Thủy sản Kiên Hùng: Thành viên Hội đồng quản trị.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 07/2002 đến tháng 07/2007	Công ty Chứng khoán BIDV (BSC)	Phó phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp
Từ tháng 01/2008 đến tháng 07/2010	Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital	Trưởng phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 08/2010 đến tháng 12/2011	Công ty Chứng khoán HabuBank	Giám đốc khối Tư vấn Tài chính doanh nghiệp
Từ năm 2013 đến tháng 12/2015	Công ty Cổ phần Chứng khoán SHS	Giám đốc M&A
Từ tháng 03/2016 đến tháng 05/2017	Công ty TNHH Thẩm định giá Nam Việt	Phó Giám đốc
Từ tháng 05/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Trưởng phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp
Từ tháng 11/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan: **0** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **0%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Hội đồng quản trị.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

11.2. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 28: Danh sách các Thành viên trong Ban Điều hành

TT	Họ tên, đơn vị công tác	Chức vụ
1	Trần Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
2	Dương Công Trịnh	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Tấn Đạt	Kế toán trưởng

(Nguồn: CTCP Kiên Hùng)

❖ Ông TRẦN QUỐC DŨNG – Tổng Giám đốc

Xem Mục 12.1. Hội đồng quản trị

❖ Ông **DƯƠNG CÔNG TRỊNH** – Phó Tổng Giám đốc

Xem Mục 12.1. Hội đồng quản trị

❖ Ông **TRẦN QUỐC HÙNG** – Phó Tổng Giám đốc

Xem Mục 12.1. Hội đồng quản trị

❖ Ông **NGUYỄN TẤN ĐẠT** – Kế toán trưởng

1. Họ và tên: **NGUYỄN TẤN ĐẠT**

2. Giới tính: Nam.

3. Ngày sinh: 12/01/1959

4. Nơi sinh: Hà Trung, Thanh Hoá

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 56 B4 Nguyễn Phương Danh, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

7. Chứng minh thư nhân dân số: 371210029 cấp ngày 11/12/2013 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không

Di động: 0908 013 132

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 11/1980 đến tháng 08/1984	Nông trường An Hưng, An Biên, Kiên Giang	Kế toán tổng hợp
Từ tháng 09/1984 đến tháng 06/1991	Xí nghiệp Cơ khí Nông nghiệp 19-5 Kiên Giang	Kế toán trưởng
Từ tháng 07/1991 đến tháng 01/1994	Xưởng đồ hộp xuất khẩu Kiên Giang	Kế toán tổng hợp; Kế toán trưởng
Từ tháng 02/1994 đến tháng 10/1996	Công ty Thủy sản Kiên Giang	Kế toán tổng hợp - Quyền Kế toán trưởng
Từ tháng 11/1996 đến tháng 08/1997	Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang	Phó phòng Kế toán; Trưởng phòng Kế hoạch



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 09/1997 đến tháng 04/2001	Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	Trưởng phòng Kế hoạch; Phó Giám đốc
Từ tháng 05/2001 đến tháng 01/2012	Công ty Cổ phần Xây dựng Kiên Giang	Kế toán trưởng
Từ tháng 02/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **70.000** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **0,65%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:

- Sở hữu cá nhân: 70.000 cổ phần, tương đương với 0,65% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

11.3. Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 (ba) thành viên.

Bảng 29: Danh sách các Thành viên Ban Kiểm soát

TT	Họ tên, đơn vị công tác	Chức vụ
1	Trương Tuyển Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ngô Văn Thiện	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Chu Thị Khánh Loan	Thành viên Ban Kiểm soát

(Nguồn: CTCP Kiên Hùng)

❖ Ông TRƯƠNG TUYẾN MINH – Trưởng Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: **TRƯƠNG TUYẾN MINH**
2. Giới tính: Nam.
3. Ngày sinh: 27/10/1954
4. Nơi sinh: Phường Quảng Thành, Thành phố Thanh Hóa
5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P8-42 Đường 3/2 Khu Đô thị Phú Cường, Phường An Hoà, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

7. Chứng minh thư nhân dân số: 370006040 cấp ngày 25/11/2013 Nơi cấp: CA Tỉnh Kiên Giang

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không

Di động: 0903 721 310

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 09/1975 đến tháng 08/1981	Ngân hàng Nhà nước tỉnh Kiên Giang	Cán bộ Kế toán
Từ tháng 08/1981 đến tháng 08/1988	Ngân hàng Thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Trưởng Phòng Kế toán
Từ tháng 08/1988 đến nay	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	Phó Giám đốc Chi nhánh
Từ 25/01/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **10.000** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **0,09%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:

- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, tương đương với 0,09% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Ban Kiểm soát.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ **Ông NGÔ VĂN THIỆN – Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Họ và tên: **NGÔ VĂN THIỆN**

2. Giới tính: Nam.

3. Ngày sinh: 10/08/1980

4. Nơi sinh: Vĩnh Thuận, Kiên Giang

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P8-21 Trần Bạch Đằng, Phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 370924687 cấp ngày 08/06/2011 tại CA Tỉnh Kiên Giang

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: 02973.811226 Di động: 0986.244354

9. Trình độ chuyên môn: Nghiên cứu sinh Tài chính – Ngân hàng

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Phòng Kế hoạch – Tài chính - Trường Đại học Kiên Giang.

12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 10/2003 đến tháng 05/2005	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Kiên Giang	Kế toán tổng hợp
Từ tháng 06/2005 đến tháng 02/2015	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kiên Giang	Trưởng Bộ môn Kế - Tài - Ngân
Từ tháng 03/2015 đến nay	Trường Đại học Kiên Giang	Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính.
Từ tháng 12/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **0** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **0%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Ban Kiểm soát.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ Bà **CHU THỊ KHÁNH LOAN** – Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: **CHU THỊ KHÁNH LOAN**

2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 08/03/1984.
4. Nơi sinh: Khánh Hòa
5. Quốc tịch: Việt Nam.
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: C01.20 Chung cư Phạm Viết Chánh, P.19, Q. Bình Thạnh, TP HCM.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 225240471 Ngày cấp: 27/08/2003 Nơi cấp: CA. Khánh Hòa
8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: Không Di động: 0918 605 403
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Cán bộ phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/08/2006 đến 31/03/2008	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Cán bộ Phòng Môi Giới Chứng Khoán
Từ 01/04/2008 đến 01/02/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Tổ trưởng tổ Lưu Ký Phòng Môi Giới - Lưu ký
Từ 02/02/2012 đến 15/07/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Cán bộ Phòng Môi Giới Chứng Khoán
Từ 16/07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Cán bộ phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ
Từ tháng 11/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: **0** cổ phần, tương đương với tỷ lệ **0%** vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng. Cụ thể:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, tương đương với 0,00% vốn điều lệ của CTCP Kiên Hùng.
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao Ban Kiểm soát.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

12. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

12.1. Tài sản cố định

Bảng 30: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: Đồng

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại 31/12/2016	GTCL/ Nguyên giá (%)
1	Tài sản cố định hữu hình	243.430.843.475	169.158.554.354	69,49
	Nhà cửa vật kiến trúc	88.671.295.740	72.896.439.569	82,21
	Máy móc thiết bị	138.909.169.090	86.128.109.918	62,00
	Phương tiện vận tải	12.206.143.012	8.913.794.586	73,03
	Thiết bị văn phòng	1.262.072.784	457.937.676	36,28
	Cây lâu năm	292.410.000	21.321.564	7,29
	TSCĐ khác	2.089.752.849	740.951.041	35,46
2	Tài sản cố định vô hình	25.616.890.276	25.051.134.412	97,79
	Quyền sử dụng đất	25.582.502.876	25.030.501.964	97,84%
	Phần mềm	34.387.400	20.632.448	60,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 của CTCP Kiên Hùng)

Bảng 31: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2017

Đơn vị tính: Đồng

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại 30/09/2017	GTCL/Nguyên giá (%)
1	Tài sản cố định hữu hình	296.071.474.657	204.803.910.718	69,17
	Nhà cửa vật kiến trúc	100.711.393.846	81.746.507.607	81,17
	Máy móc thiết bị	179.509.702.166	114.143.758.321	63,59
	Phương tiện vận tải	12.206.143.012	7.912.585.414	64,82
	Thiết bị văn phòng	1.262.072.784	413.394.960	32,76
	Cây lâu năm	292.410.000	5.330.400	1,82



TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại 30/09/2017	GTCL/Nguyên giá (%)
	TSCĐ khác	2.089.752.849	582.334.016	27,87
2	Tài sản cố định vô hình	25.616.890.276	24.416.036.322	95,31
	Quyền sử dụng đất không thời hạn	8.747.343.382	8.747.343.382	100,00%
	Quyền sử dụng đất có thời hạn	16.835.159.494	15.653.218.599	92,98%
	Phần mềm	34.387.400	15.474.341	45,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

12.2. Tình hình sử dụng đất

Bảng 32: Tình hình sử dụng quỹ đất của Công ty

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tài sản gắn liền đất	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	14A Ấp Tân Điền, xã Giục Trượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	10.697,3m ² ; Trong đó: Đất SXKD: 8.127,1m ² ; Đất cây lâu năm: 1.770,2m ² ; Đất ở nông thôn: 800m ²	Sử dụng làm Nhà máy đông lạnh, nhà máy thủy sản AOKI	Nhà xưởng	- Đất Đát SXKD: 2061; - Đất cây lâu năm: 2048 - Đất ở nông thôn: lâu dài	Hợp đồng thuê đất số 96/HĐTD ngày 27/08/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất (Số phát hành: BL 609110, vào sổ cấp GCN: CT 04288 ngày 26/12/2012).
2	Ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	6.529,6m ² .	Sử dụng làm Nhà máy bột cá Biển Xanh	Nhà máy	Lâu dài	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất (Số phát hành: 562591, vào sổ cấp GCN: CT 04843 ngày



TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tài sản gắn liền đất	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
						08/10/2013).
3	Ấp An Bình, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	4.362 m ² ; Trong đó: Đất SXKD: 6.868,9 m ² .	Sử dụng làm Nhà máy Bột cá Kiên Hùng	Nhà xưởng	Lâu dài	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất (Số phát hành: BG 745030, vào sổ cấp GCN: CH 00812 ngày 12/08/2011).
4	Khu công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.	30.038,4 m ²	Sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản (nhà máy Đông lạnh)	đang tiến hành xây dựng nhà máy chế biến thủy sản	Đến ngày 16/09/2066	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất (Số phát hành: CI 659778, vào sổ cấp GCN: CT 11375 ngày 03/08/2017).

(Nguồn: CTCP Kiên Hùng)

Về Dự án nhà máy chế biến thủy sản, Công ty đã nhận đầy đủ các chủ trương đầu tư, giấy phép quy hoạch cho việc xây dựng dự án nhà máy chế biến thủy sản (nhà máy đông lạnh) này.

Ngày 15/10/2017, Công ty đã chính thức khởi công xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của CTCP Kiên Hùng.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018

Bảng 33: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		
		Thực hiện năm 2016 (đồng)	Kế hoạch (đồng)	% tăng/ giảm so với 2016	Kế hoạch (đồng)	% tăng/ giảm so với 2017
1	DTT Công ty mẹ	718.675.969.132	875.667.000.000	21,84	980.136.000.000	11,93
2	LNST Công ty mẹ	28.554.762.663	28.570.000.000	0,05	30.979.000.000	8,43



TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016 (đồng)	Năm 2017		Năm 2018	
			Kế hoạch (đồng)	% tăng/ giảm so với 2016	Kế hoạch (đồng)	% tăng/ giảm so với 2017
3	Vốn điều lệ (đồng)	74.020.000.000	107.000.000.000	44,56	107.000.000.000	-
4	Tỷ lệ LNST/DTT (%)	3,97	3,26	-	3,16	-
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	38,58	26,70	-	28,95	-
6	Cổ tức (%)	20	8 - 15	-	8 - 15	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017 của CTCP Kiên Hùng)

13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên

Một số căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên:

- Về triển vọng phát triển của ngành và tình hình thị trường thủy sản trong nước trong những năm tới, dự báo rất khả quan. Với các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã và sắp ký kết, các hiệp định quan trọng như FTA Việt Nam – EU sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam tăng lợi thế khi xuất khẩu thủy sản sang những thị trường chủ lực như Mỹ, Nhật, Châu Âu, Nga với thuế suất 0%. Xét về xu hướng toàn cầu, ngành nuôi trồng thủy sản có nhiều tiềm năng. Về dài hạn, theo đánh giá của Liên hợp quốc, dân số thế giới dự kiến đạt 9,2 tỷ người vào năm 2050. Hoạt động sản xuất thực phẩm cần tăng thêm 60% vào năm 2030 để đáp ứng đủ cho lượng người ăn ngày càng tăng. Trong đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng lên 62% năm 2030. Đối với thị trường nội địa, theo dự báo của các chuyên gia, cơ hội cho ngành chế biến thủy sản trong nước là rất lớn khi tiêu thụ thủy sản bình quân của người Việt Nam ở mức cao (27kg/người/năm). Dự báo giá trị thủy sản chế biến tiêu thụ trong nước tăng bình quân 5,37%/năm trong giai đoạn 2011 - 2020. Mức tiêu thụ trong nước năm 2020 được dự báo sẽ đạt 940.000 tấn. Dự báo thị trường khả quan là tiền đề để Công ty đặt ra kế hoạch doanh thu, lợi nhuận như trên.
- Về các giải pháp thực hiện, Công ty đang tiếp tục triển khai các giải pháp mang tính định hướng lâu dài của Ban Lãnh đạo, cụ thể như sau:
 - + Tiếp tục đào tạo và phát huy thế mạnh của đội ngũ nhân viên lành nghề, có nhiều năm kinh nghiệm trong sản xuất và chế biến thủy sản;
 - + Tiếp tục phát triển hệ khách hàng mới dựa trên những khách hàng lớn mà Công ty hiện có;
 - + Nâng cao sự giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành nhằm đảm bảo mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đặt ra;

- + Nâng cao chất lượng quản lý của Ban Điều hành, đảm bảo thực thi các kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT đặt ra;
- + Thực hiện chính sách tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động: Quản lý chặt chẽ định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm chi phí; Kiểm soát tốt quá trình đào tạo công nhân mới, thực hiện các chính sách phù hợp để giảm lượng biến động công nhân góp phần làm giảm chi phí đào tạo công nhân mới; Kiểm soát tốt kế hoạch sản xuất, giảm chi phí do việc tăng ca sản xuất.
- Về tình hình sản xuất kinh doanh, trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ đặt ra với tỷ lệ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 105,61% kế hoạch, thực hiện việc chia cổ tức 20% bằng tiền mặt theo đúng kế hoạch. Trong 09 tháng đầu năm 2017, kết quả lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ đạt 32,921 tỷ đồng, vượt kế hoạch cả năm được ĐHĐCĐ của Công ty giao cho. Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh doanh thu từ các mảng chế biến thủy sản, bột cá, đồng thời kiểm soát tốt chi phí để mang lại hiệu quả trong năm.

Như vậy, các yếu tố như năng lực sản xuất kinh doanh hiện tại và kế hoạch đầu tư bài bản dựa trên nhận định về tình hình thị trường trong thời gian tới là cơ sở để Công ty Cổ phần Kiên Hùng hoàn thành các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao phó.

13.3. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh 09 tháng đầu năm 2017

Bảng 34: Kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2017 so với kế hoạch được giao

Các chỉ tiêu chính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện 9T/2017	
	Chỉ tiêu (đồng)	Kết quả (đồng)	% thực hiện so kế hoạch năm 2017
Doanh thu thuần Công ty mẹ	875.667.000.000	588.646.611.241	67,22
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Công ty mẹ	-	32.920.719.117	-
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	28.570.000.000	32.920.719.117	115,23

(Nguồn: BCTC riêng 09 tháng đầu năm 2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

Như vậy, trong 09 tháng đầu năm 2017, kết quả lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ đạt 32,92 tỷ đồng, đã vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ của Công ty giao cho. Tuy nhiên, do lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty TNHH Thủy sản Aoki (công ty con của Công ty CP Kiên Hùng) âm, do đó tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất chỉ đạt 18,46 tỷ đồng.

Về định hướng sắp tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh doanh thu từ các mảng chủ lực là chế biến thủy sản, bột cá, đồng thời kiểm soát tốt chi phí để mang lại hiệu quả trong năm. Bên cạnh đó, hiện tại Công ty TNHH Thủy sản Aoki đã hoàn thiện xong việc lắp đặt dây chuyền sản xuất và đi vào

hoạt động ổn định, dự kiến sẽ đem lại lợi nhuận cho Công ty trong thời gian tới.

Trên cơ sở kết quả đạt được 09 tháng đầu năm 2017 và năng lực sản xuất hiện tại, Công ty Kiên Hùng tiếp tục cố gắng đẩy mạnh doanh thu, tiếp tục tạo đà tăng trưởng cho doanh nghiệp để hoàn thành các kế hoạch sắp tới được ĐHĐCĐ giao phó.

13.4. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Trong những năm qua, với sự phát triển quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa ngành nghề và lĩnh vực hoạt động, sau 17 năm hoạt động, CTCP Kiên Hùng đã có 04 nhà máy trực thuộc gồm 01 nhà máy sản xuất hàng đông lạnh (tại Trụ sở chính), 02 nhà máy sản xuất bột cá (thuộc 02 chi nhánh Nhà máy bột cá Kiên Hùng và Nhà máy bột cá Biển Xanh) và 01 nhà máy sản xuất surimi (thuộc công ty con Công ty TNHH Thủy sản Aoki).

Uy tín thương hiệu các sản phẩm đông lạnh của Công ty đã được khách hàng biết đến từ năm 2002 khi chính thức xuất khẩu. Trong những năm gần đây số lượng đơn hàng của sản phẩm đông lạnh luôn vượt quá khả năng cung cấp của nhà máy. Trước nhu cầu thị trường ngày càng lớn, công suất của Nhà máy đông lạnh hiện tại đã không còn đáp ứng đủ cho thị trường, do vậy cần thiết phải xây dựng thêm một Nhà máy đông lạnh mới. Nhà máy đông lạnh mới với công nghệ hiện đại sẽ là cơ sở chủ lực sản xuất các mặt hàng. Giá trị gia tăng từ mực và tôm nhằm đáp ứng sự tăng trưởng nhu cầu hàng hóa hiện nay, đồng thời cũng sẽ mang lại sự tăng trưởng về lợi nhuận do đặc thù mặt hàng có giá trị cao. Bên cạnh đó từ năm 2016, với mong muốn mang lại các sản phẩm an toàn cho người sử dụng ngay từ nguồn gốc sản phẩm, Công ty đã có chủ trương lập dự án vùng nuôi tôm công nghiệp 60ha định hướng quản lý theo tiêu chuẩn ASC (Aquaculture Stewardship Council - Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản), định hướng phát triển hàng giá trị gia tăng từ Tôm và Chả cá. Các mặt hàng tôm và cá này không chỉ phục vụ cho thị trường xuất khẩu mà còn từng bước cung cấp cho thị trường nội địa. Vùng nuôi tôm này sẽ đảm bảo nguyên liệu cho Nhà máy đông lạnh mới sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng từ Tôm.

Hiện nay Công ty đang triển khai xây dựng hai dự án:

- Dự án xây dựng Nhà máy đông lạnh, chế biến thủy sản tại Khu công nghiệp Thạnh Lộc với tổng vốn đầu tư dự kiến là 146 tỷ đồng, công suất của nhà máy dự kiến 3.000 tấn/năm. Doanh thu dự kiến phát sinh từ Nhà máy khi chạy 100% công suất là khoảng 528 tỷ đồng. Dự án được khởi công xây dựng vào ngày 15/10/2017. Dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động từ Quý III năm 2018.
- Dự án nuôi tôm công nghệ cao trong nhà kính với kinh phí đầu tư giai đoạn 01 dự kiến là 53 tỷ đồng, diện tích vùng nuôi là 32,5 ha. Dự án hiện đã hoàn thành đầu tư đất. Công ty đang thuê Đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở và đầu tư mới.

13.5. Một số thông tin chi tiết của dự án Nhà máy chế biến thủy sản tại Khu công nghiệp Thạnh Lộc (khởi công ngày 15/10/2017)

- Với mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh CTCP Kiên

Hùng được phát triển bền vững, tham gia sâu rộng các mặt hàng thủy sản truyền thống tại địa bàn Tỉnh Kiên Giang nói riêng, cũng như định hướng đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu trong thời gian tới trên cơ sở kết hợp những thế mạnh và năng lực nội tại của Công ty. CTCP Kiên Hùng nhận được nhiều sự ủng hộ của các cấp chính quyền và Ban Lãnh đạo Khu công nghiệp.

- Ngày 16/09/2016, CTCP Kiên Hùng nhận quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy đông lạnh, chế biến thủy sản Kiên Hùng.
- Ngày 20/01/2017, UBND Tỉnh Kiên Giang đã cấp Giấy phép quy hoạch số 173/GPQH-UBND về việc cấp giấy phép quy hoạch cho CTCP Kiên Hùng xây dựng dự án Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng.
- Một số chi tiết Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy:
 - Tên dự án: Nhà máy chế biến Thủy sản Kiên Hùng;
 - Công suất: 3.000 tấn thành phẩm/năm;
 - Địa điểm đầu tư: Khu công nghiệp Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang;
 - Nội dung và Quy mô đầu tư xây dựng:
 - a. Mặt bằng san lấp:
 - Nền được san lấp theo lưới ô vuông có cạnh 20m, lưới được tạo theo không gian tam giác nội suy từ độ cao tự nhiên.
 - Bờ bao được đắp bằng đất tại chỗ, chiều rộng mặt đê: 2m, mái taluy 1:1,5; Tổng khối lượng san lấp tạm tính: 73.209,76m³.
 - b. Xây dựng hệ thống kè cảng, sân bãi cảng:
 - Tổng chiều dài kè cảng: 70m;
 - Loại kè: bằng cọc bê tông cốt thép;
 - Tổng diện tích sân bãi cảng là: 300m²;
 - Cầu tạo mặt đường bằng bê tông nhựa.
 - c. Nhà xưởng:
 - Tổng diện tích xây dựng: 132,94m x 35,0m = 4.652,64m², cao 2 tầng.
 - Nhà xưởng sản xuất chính được cấu tạo bởi khung thép mạ kẽm, trần cách nhiệt mái lợp tole dày 0,8mm lắp đặt kho trữ đông 1.000 tấn. Bố trí nơi làm việc của Quản lý, công nhân và dây chuyền công năng trong khâu chế biến thủy sản.
 - d. Nhà làm việc:
 - Tổng diện tích xây dựng: 35,0m x 12,2m = 427,0m², cao 2 tầng. Nhà Kết cấu khung chịu lực, tường bao che nền lát gạch Ceramic, cửa nhôm kính, mái lợp tôn song vuông, trần thạch cao.
 - Nơi làm việc của Ban Quản lý điều hành nhà máy được bố trí nằm trong khu công

nghiệp.

e. Nhà giặt và phơi:

- Tổng diện tích xây dựng: $25,2\text{m} \times 6\text{m} = 151,20\text{m}^2$, cao 1 tầng. Nhà khung thép mạ kẽm cách trần nhiệt mái lợp tole dày 0,8mm.
- Nhà để xe ô tô, xe máy (2 nhà):
- Nhà để xe thuộc công trình dân dụng cấp IV, được thiết kế với kích thước mặt bằng xây dựng: $(6\text{m} \times 25\text{m}) \times 2 = 300\text{m}^2$, nền tầng trệt cao hơn nền tự nhiên là: 0,30m, có chiều cao đỉnh mái so với nền hoàn thiện là 4,3m, cao độ sàn sê nô là: + 2,7m. Chi tiết mái được lợp tole, nền láng bê tông cốt thép.

f. Bể nước bằng thép:

- Bể nước được thiết kế bằng thép có dung tích $4 \times 75\text{m}^3$ với diện tích mặt bằng xây dựng $18,2\text{m} \times 7\text{m} = 127,4 \text{m}^2$, được đấu nối với hệ thống nước cấp công cộng đã được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp Thạnh Lộc. Bố trí dự trữ nước để bơm lên bồn chứa ở các khu vực sản xuất và sinh hoạt chung của Nhà máy.

g. Bể xử lý nước thải:

- Bể xử lý nước thải được thiết kế bằng bê tông cốt thép có dung tích 450m^3 , với diện tích xây dựng $12\text{m} \times 13\text{m} = 156\text{m}^2$, được sử dụng để xử lý các hóa chất trong quá trình sản xuất chế biến thủy sản, đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra kênh Vành Đai.

h. Trạm biến áp:

- Trạm biến áp nước được thiết kế bằng bê tông cốt thép với diện tích xây dựng $6\text{m} \times 6\text{m} = 36\text{m}^2$, được đấu nối với nguồn điện nằm trên tuyến đường số 1, để truyền tải điện phục vụ cho nhu cầu sản xuất và làm việc của nhà máy.

i. Hạng mục công chính, nhà bảo vệ, hàng rào:

- Cổng chính được thiết kế với chiều dài mặt bằng xây dựng: 12m, chiều cao cổng chính là 6,9m so với cote nền +/-0,00; cổng phụ rộng 6,0m.
- Nhà bảo vệ được thiết kế với kích thước mặt bằng xây dựng: $5\text{m} \times 6,2\text{m} = 31\text{m}^2$, chiều cao là +3,7m so với cote nền +/-0,00 với chi tiết. Chi tiết Mái lợp ngói: 22 viên/ m^2 ; Nền lót gạch Ceramic.
- Hàng rào xây tường: chiều dài xây dựng là 626,5m, trụ cột kết cấu bằng bê tông cốt thép 200x200, B15, cao 2,1m (hoàn thiện là 400x400), tường hàng rào có gắn song sắt nhọn bảo vệ, khoảng cách giữa 2 trụ là 3,2 – 3,7m. Tường xây gạch ống và gạch thẻ dày 100. Móng các trụ cột được sử dụng bê tông cốt thép lót đá 4x6 B7.5 dày 100, lớp cát đệm dày 100, sức chịu tải nền sau khi gia ốc cừ tram $R_d = 7 \text{kg/cm}^2$.

j. Hạng mục cột cờ:

- Cột cờ: được thiết kế với diện tích xây dựng ($8\text{m} \times 8\text{m} = 64\text{m}^2$), chiều cao cột cờ là 12,95m so với cote nền +/-0,00.

k. Sân – đường nội bộ và hệ thống thoát nước:

- Sân đường nội bộ: sân nền kết hợp với đường giao thông nội bộ (đường thời phục vụ cho PCCC) với diện tích khoảng 5.000,0m². Trong đó: đường sân bãi bao quanh, tổng chiều dài: 600m. Mặt đường rộng từ 5-10m. Loại đường cán đá tráng nhựa; Via hè: tổng chiều dài: 350m, rộng 1 m. Tổng diện tích: 600m². Lát gạch tự chèn 50% diện tích.
- Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải:
 - ✓ Hệ thống thoát nước mưa: được quy hoạch hoàn chỉnh đồng bộ bằng cống BTLT có đường kính Ø400-Ø600 kết hợp với hệ thống thu nước bằng hố ga có tấm đan. Nước mưa sẽ được thu gom vào bể chứa rồi thoát ra kênh Vành Đai.
 - ✓ Nước thải sinh hoạt và nước thải từ các khu chế biến được thu gom bằng đường ống riêng biệt với đường cống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải được quy hoạch hoàn chỉnh đồng bộ bằng ống µPVC Ø300 kết hợp với hệ thống thu nước bằng hố ga. Nước thải sau khi được xử lý cục bộ tại các khu chế biến và phải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải chung của Nhà máy rồi mới được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

l. Hệ thống công viên, cây xanh:

- Tổng diện tích quy hoạch xây dựng công viên cây xanh là: 5.710,51m², bao gồm cả cây xanh cách ly, cây xanh công viên và cây xanh trên đường giao thông nội bộ để tạo không khí trong lành và thoáng mát tại Nhà máy.

m. Hệ thống cấp nước + Phòng cháy chữa cháy:

- Hệ thống cấp nước sử dụng: Nguồn nước cấp cho Nhà máy lấy từ bồn chứa nước ngầm của đơn vị được âm dưới lòng đất thông qua hệ thống thu nước mưa, sau đó được bơm lên các bồn chứa nước trên mái bằng bơm điện, từ bồn chứa trên mái sẽ thiết kế các đường ống dẫn nước đến các nơi có nhu cầu sử dụng nước cho toàn khu.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Nguồn nước được lấy từ bể nước 300m³. Sử dụng đường ống Ø114 cấp nước đến 4 trụ cứu hỏa. Áp lực đầu phun phải đảm bảo với lưu lượng nước tính cho mỗi cột là 2,5 l/giây.
- Hệ thống báo cháy tập thể: Trung tâm báo cháy được đặt tại Nhà bảo vệ luôn có người thường trực. Ngoài ra, phương án thiết kế hệ thống báo cháy cho nhà kho và nhà làm việc khi có sự cố sẽ được truyền tới Nhà bảo vệ để xử lý.

n. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng tổng thể, chống sét:

- Hệ thống điện: Nguồn điện lấy từ trạm biến áp đã được xây dựng dẫn vào tủ điện chính đặt ở nhà bảo vệ sau đó cung cấp cho toàn khu. Từ trạm biến áp đi 1 đường cáp vào tủ điện chính đặt ở nhà trực ban, từ tủ điện chính đi các cáp tới các hạng mục khác.
- Chiếu sáng tổng thể: Hệ thống điện chiếu sáng ngoài trời bằng bóng đèn led 120W

đặt trên các trụ đèn STK bát giác tráng kẽm cao 5m, bố trí quanh các công trình chính và đường giao thông nội bộ.

- Hệ thống chống sét: Kim thu sét là thiết bị tạo tia tiên đạo Ingesco PDC 6.4 bán kính bảo vệ cấp 1 là 120 m (nhà làm việc) và Ingesco PDC-2.1 bán kính bảo vệ cấp 1 là 30m (nhà xưởng). Kim thu sét được làm hoàn toàn bằng Inox 316.

o. Thiết bị: Các trang thiết bị phục vụ cho dây chuyền của Nhà máy.

Hình 9: Hình ảnh lễ khởi công Nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng ngày 15/10/2017





14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Với tư cách là Tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, VietinBank Securities đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của CTCP Kiên Hùng. Căn cứ vào năng lực lãnh đạo của đội ngũ lãnh đạo CTCP Kiên Hùng, hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng khách hàng cũng như định hướng chiến lược phát triển, nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà CTCP Kiên Hùng đưa ra là có tính khả thi và CTCP Kiên Hùng có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hằng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với các nhà đầu tư khi tự đưa ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

2. Mã chứng khoán

KHS

3. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

4. Tổng số chứng khoán niêm yết:

10.700.000 cổ phần (*Mười triệu, bảy trăm nghìn cổ phần*), tương đương với 100% số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Kiên Hùng.

5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Căn cứ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20/07/2012, cụ thể: “*Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ*”.

Số lượng cổ phiếu của CTCP Kiên Hùng bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên cụ thể như sau:

Bảng 35: Danh sách các cổ đông hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày niêm yết
1	Trần Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	2.665.560	1.332.780
2	Dương Công Trịnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	350.000	175.000
3	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	636.700	318.350

4	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	93.600	46.800
5	Huỳnh Công Luận	Thành viên HĐQT	31.668	15.834
6	Nguyễn Minh Giang	Thành viên HĐQT	0	0
7	Lê Quốc Trung	Thành viên HĐQT	0	0
8	Trương Tuyển Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	10.000	5.000
9	Ngô Văn Thiện	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0
10	Chu Thị Khánh Loan	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0
11	Nguyễn Tấn Đạt	Kế toán trưởng	70.000	35.000
12	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Cổ đông lớn là Tổ chức có liên quan với ông Nguyễn Minh Giang (Thành viên HĐQT)	906.161	453.081
13	Lâm Thị Hương Mai	Cổ đông lớn là người có liên quan với ông Trần Quốc Dũng (Chủ tịch HĐQT)	1.436.777	718.389
Tổng cộng			6.200.466	3.100.234

Tổng số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật là 6.200.466 cổ phần, đây là số lượng cổ phần cam kết nắm giữ 100% trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số lượng cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

6. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết của CTCP Kiên Hùng dự kiến được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của các phương pháp:

- **Phương pháp giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách cổ phiếu KHS của CTCP Kiên Hùng tại thời điểm 31/12/2016 và 30/09/2017 theo BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng như sau:



Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 30/09/2017
Tổng vốn chủ sở hữu (A) (<i>đã loại trừ phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>)	114.703.402.196	155.696.074.907
Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)	7.402.000	10.700.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (A)/(B)	15.496	14.551

(Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của CTCP Kiên Hùng)

- **Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần – Price/Earnings (P/E)**

Hệ số P/E được tính toán bằng giá trị P/E bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Giá trị của cổ phiếu KHS = P/E trung bình * EPS

- **Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần – Price/Book value (P/B)**

Hệ số P/B được tính toán bằng giá trị P/B bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Giá trị của cổ phiếu KHS = P/B trung bình * Book value

- **Giá tham chiếu**

Trên cơ sở các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày đầu giao dịch của cổ phiếu CTCP Kiên Hùng sẽ do HĐQT Công ty thông báo bằng văn bản phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện tại, CTCP Kiên Hùng không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/09/2015) của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó quy định: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước

ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

- b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

- c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;
- d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, **ngành nghề kinh doanh của Công ty thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện.**

Tuy nhiên, **hiện chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài đối với nhóm ngành nghề kinh doanh của Công ty**, do đó tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài **tối đa là 49%** vốn điều lệ của Công ty.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại CTCP Kiên Hùng theo Danh sách cổ đông tại ngày 02/11/2017 là 0 cổ phần (tương đương với tỷ lệ sở hữu là 0% vốn điều lệ của Công ty).

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Đối với Công ty

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty hiện nay đang áp dụng là 20%.

- **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8.2. Đối với nhà đầu tư

- **Đối với nhà đầu tư cá nhân**
 - Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - + Đối với nhà đầu tư trong nước: thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Căn cứ Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Khoản 6 Điều 21 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.
 - + Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
 - Thu nhập từ cổ tức:
 - + Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
 - + Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.
- **Đối với nhà đầu tư tổ chức**
 - Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - + Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
 - + Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán sẽ được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
 - Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Trụ sở chính: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 5944 Fax: (028) 3820 5942

Website: www.aascs.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 9987 Fax: (028) 3820 0899

Website: www.vietinbanksc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần mới nhất của Công ty;

Phụ lục II: Điều lệ Công ty Cổ phần Kiên Hùng;

Phụ lục III: Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán năm 2016; Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) 09 tháng đầu năm 2017.

Phụ lục IV: Công văn giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty;

Phụ lục V: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

Các phụ lục khác liên quan.

BẢN CÁO BẠCH – CTCP KIÊN HÙNG



Kiên Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ
KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM
ĐỐC

Trần Quốc Hùng

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM PHÓ TỔNG
GIÁM ĐỐC

Dương Công Trịnh

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG
GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Dũng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Tấn Đạt

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trương Tuyên Minh

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM -
CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



Thái Hoàng Long